

Truyện Tiên-Rồng

Nền Minh Triết Nhân Bản Việt Nam

I. Phần Dẫn Nhập

Qua dòng sông sử bi hùng của dân tộc, đã đến lúc người Việt Nam chúng ta cần lột gỡ các lớp sơn văn hóa ngoại nhập (Bắc Mỹ, Tây Phương, Trung Quốc, Ấn Độ,...) đã phủ lên nền văn hóa Việt Nam trong hơn 2000 năm để khám phá ra những thông điệp của tổ tiên ẩn tàng trong **bộ thần thoại** (chính xác hơn là **nhân thoại**) **Việt Nam** hầu làm nền tảng cho cuộc dung hóa sâu rộng những tư tưởng ngoại nhập Đông-Tây-Kim-Cổ để vạch ra một hướng đi hợp tình, hợp lý cho dân tộc Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa.

Trước khi phân tích để tìm hiểu di huấn của tổ tiên hoặc tinh hoa của Đạo Sống Việt được gói ghém trong các huyền thoại hay truyền thuyết, chúng ta cần lưu ý những điểm sau đây:

1. Không đề cập đến các thuyết về nguồn gốc và sự phát triển của lịch sử thần thoại.
2. Không phân biệt thần thoại với truyền thuyết mà chỉ chú trọng đến ý nghĩa của di huấn hoặc tinh hoa của Đạo Sống Việt ẩn tàng trong câu chuyện để thấu hiểu giá trị của gia tài tinh thần vô cùng quý báu mà tổ tiên chúng ta đã để lại và thấp sáng những nét đặc thù của tư tưởng và văn hóa Việt Nam (giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện, hòa là chủ đạo của mọi liên hệ ứng xử, tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc trong mọi ý nghĩ lời nói và việc làm, không chấp trước,...).
3. Chỉ đề cập đến “**dân tộc Việt Nam**” chứ không chú trọng đến chủng tộc Bách Việt sống trên đất Tàu hay Lạc Việt, vì Lạc Việt đã hòa hợp với cư dân Hòa Bình hình thành dân tộc Việt Nam.
4. Phải chăng vùng đất từ châu thổ sông Hồng đến châu thổ sông Mã là nơi giao lưu của các nền văn hóa, và là nơi hội tụ của các sắc dân?

Trước khi người Hán (tạm ngoại như vậy theo thói quen) đánh chiếm nước Âu Lạc thì đất nước Việt Nam đã là nơi giao lưu của nhiều nền văn hóa:

- văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước
 - văn hóa hải đảo hay văn hóa Nam Á
 - văn hóa Ấn Độ
 - văn hóa Đông Nam Á.
5. Hầu hết các bộ tộc trong nhóm Bách Việt sinh sống tại phía Nam sông Dương Tử đều bị Hán tộc đồng hóa, ngoại trừ Lạc Việt mặc dầu dưới thời Bắc thuộc, các quan lại nhà Hán, nhà Đường đã thi hành một chính sách đồng hóa cực kỳ tinh vi và đã man trong hơn 10 thế kỷ, nhưng không đồng hóa được dân tộc Việt Nam (trong đó có Lạc Việt).
 6. Vào cuối thế kỷ thứ 13, Trần Thế Pháp có viết Lĩnh Nam Trích Quái, Lê Tế Xuyên có soạn Việt Điện U Linh nhằm sưu tập những truyện thần thoại, huyền thoại trong dân gian Việt Nam. Về sau, Lê Quý Đôn nhận thấy những truyện sưu tầm trong hai tập sách kể trên có nhiều pha trộn, vay mượn, bóp méo nên đã phê bình trong cuốn Kiến Văn Tiểu Lục như sau:

“Sách Lĩnh Nam Trích Quái có nhiều chỗ vay mượn rồi tô vẽ thêm vào không kể xiết. Các truyện thần thoại trong sách đều dính líu đến tín ngưỡng, tôn giáo, pha trộn với những truyện cổ tích thần tiên hoặc lấy truyện Trung Hoa làm chuyện của mình...”

Thật vậy, phần lớn huyền thoại và truyền thuyết được giới nho sĩ Việt Nam chép lại bằng chữ Hán khoảng hơn hai ngàn năm sau thời kỳ mở nước nên thường bị sửa đổi, thêm bớt theo nhân quan của người chép đã học chữ Hán nên chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Hán tộc. Đây là chưa kể việc chép những truyện của Hán tộc mà ngỡ tưởng là truyện của mình vì thiếu thận trọng trong việc nghiên cứu, sưu tầm, vì không đứng được trên đôi chân của chính mình, với tâm Việt hồn Việt hòa mình vào dòng tâm thức và dòng sống dân tộc.

Tóm lại, trong truyền thuyết, huyền thoại, thần thoại Việt có đầy rẫy những bóp méo, áp đặt, nguy tạo, pha trộn, sửa chữa, thêm bớt những chi tiết chịu ảnh hưởng của những nền văn hoá ngoại lai, ***nên chúng ta cần hết sức thận trọng, sáng suốt khi mở cửa đi vào ngôi nhà tâm linh của dân tộc Việt Nam.*** Sự thận trọng sáng suốt này rất cần thiết để tránh những ngộ nhận trong việc tách bạch, rút tía những tinh hoa và nét đặc thù của tư tưởng cốt lõi của đạo sống Việt.

Trong khi thưởng thức ly cà-phê, chúng ta thường không nhận xét kỹ để tìm ra chất căn bản của ly cà-phê. Chúng ta thường tự nhủ: đây là ly cà-phê sữa hoặc ly cà-phê đen. Tinh tế hơn, chúng ta nhận ra ly cà-phê có bơ, pha chút rượu rum, cà-phê hơi nhạt vì thiếu đường hoặc nhiều đường quá..v.v.... Chúng ta quên mất một thành phần tối ư quan trọng, không có nó thì không thể nào có ly cà-phê được: đó là nước sôi. Nước có mùi vị cà-phê thì chính chất cà-phê phải tan trong nước. Muốn có nước ngọt thì đường phải hòa tan trong nước. Vì thế, khi tìm hiểu những “ly cà-phê truyền thuyết, huyền thoại hay thần thoại”, chúng ta phải sáng suốt, tinh tế nhận định đâu là tinh hoa, là nét đặc thù của Đạo Sống Việt, của Tư Tưởng Việt. Đừng bao giờ ngộ nhận rằng những nét Trung Hoa (Khổng, Lão), những nét Ấn Độ (Phật), những nét Nam Á (văn hóa Hải Đảo) là cốt lõi tinh hoa tư tưởng Việt Nam vì thực ra chúng chỉ là bơ, rượu rum, sữa, đường trong “ly cà-phê truyền thuyết, huyền thoại hoặc thần thoại” Việt mà thôi. ***Nói cách khác, muốn nhận biết cốt lõi của văn hóa Việt, chúng ta phải sáng suốt, thận trọng tháo gỡ những lớp sơn văn hóa ngoại nhập đã phủ lên nền văn hóa Việt trong suốt mấy ngàn năm: Cổ lan lập lõi khó tìm lõi xưa.*** Khi đi ngược dòng thời gian của lịch sử Việt Nam, sau khi lột gỡ lớp sơn văn hóa Bắc Mỹ và Tây Phương thì chúng ta đối diện ngay với lớp sơn văn hóa Trung Quốc. Dưới lớp sơn văn hóa Trung Quốc lẫn lộn với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Đông Á, văn hóa Hải Đảo để tìm về tận cội nguồn văn hóa vô tự, cảm nhận từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên). Như vậy là trở về tận cội nguồn văn hóa Việt Nam.

7. Nhiều người ngộ nhận rằng quan niệm về thần của dân tộc Việt cũng giống như quan niệm của Trung Quốc, Ấn Độ hay Tây Phương. Phải chăng thần đối với dân Việt chỉ là một năng lực siêu nhiên bao gồm mọi biến động của vũ trụ? Từ mưa gió, sấm sét, sông ngòi, biển cả đến rừng núi, ở đâu có biến động thì người Việt Nam đều gọi đó là thần. Thoạt đầu, thần đi vào lòng dân Việt không phải là những linh tượng như ngày nay mà chỉ là để giải thích những hiện tượng biến động của vũ trụ.

Trong cuốn Thi Ca Bình Dân Việt Nam của Nguyễn Tấn Long và Phan Canh đã viết về thần đối với người Việt Nam như sau: “*Khi đã quan niệm thần với tính chất thiên nhiên như vậy thì lẽ dĩ nhiên thần không thể tách rời ra ngoài ảnh hưởng hoạt động của con người, bởi lẽ con người là một cá thể của vũ trụ và mọi hoạt động của con người đều có liên quan đến năng lực biến chuyển thiên nhiên.*”

Trong cuốn Contribution à l’Etude d’un Génie Tutélaire, Nguyễn Văn Huyền đã nhận xét về tính chất thần linh đối với người Việt Nam: “*Thần đối với người Việt rất bình đẳng và gần gũi với người. Họ xem thần như là một hiện tượng bao quanh mọi sinh hoạt của họ. Nếu chúng ta có thể định nghĩa theo ý thức của họ thì thần đi vào lòng kính trọng của họ ban đầu từ tài năng rồi mới đến hình tượng cho nên dù là người, khi có tài năng siêu việt, họ vẫn tôn thờ và đưa vào địa vị thần linh.*”

Chính vì không có quan niệm thần theo tư tưởng “tạo vật chủ” mà dân Việt phong thần và thờ những nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ...v.v..., *đặt địa vị con người ngang với địa vị thần linh. Cho nên, đối với các vị thần, dân gian kính ngưỡng mà không khiếp sợ run rẩy như đứng trước bạo chúa dã man. Thái độ này khác hẳn với thái độ của dân Tây Phương, Ấn Độ, Trung Hoa đối với thần linh của họ.*

Vì quan niệm rằng thần là năng lực thiên nhiên, chỉ lệ thuộc vào cơ cấu biến động của vũ trụ, dân Việt cho rằng mọi thần linh đều bình đẳng và chỉ ảnh hưởng với nhau trong mọi năng lực thiên nhiên nên không có thần lớn, thần nhỏ, không có thần nào cai trị hoặc chỉ huy thần nào cả. Do đó, người dân Việt sống gần gũi với sông, với núi thì thờ thần sông, thần núi; ở đồng bằng thì thờ thần đất, thần nông; ở làng xã, phố thị thì thờ thành hoàng; trên bình diện quốc gia thì thờ Tổ Hùng Vương và các vị anh hùng liệt nữ; trong gia đình thì thờ cúng ông bà cha mẹ.

Đã quan niệm thần như trên, hiển nhiên tổ tiên dân Việt chỉ coi trời là một năng lực thiên nhiên, không có tính cách tạo vật chủ. Nói cách khác, trời không được coi là đấng toàn năng, có năng lực siêu nhiên tạo ra muôn loài, muôn vật. Trời, trong tâm tư người Việt, nhất định không phải là Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Chúa Trời có quyền thưởng phạt nhân loại theo ý muốn riêng. Quan niệm cho rằng Trời là một vị đế vương, chúa tể thượng giới chẳng qua chỉ là mưu đồ của các chế độ phong kiến Trung Quốc muốn áp đặt văn hóa du mục của họ lên dân Việt mà thôi. *Người Việt khi cầu trời là cầu năng lực thiên nhiên chứ không phải cầu ông vua thượng giới của chế độ phong kiến du mục.*

Có lẽ chính vì không cần thiết tìm hiểu căn nguyên đầu tiên của vũ trụ và xem trời như là năng lực thiên nhiên nên ý niệm về trời của dân tộc Việt rất độc đáo, khác hẳn với quan niệm thần linh sáng tạo ra vũ trụ vạn vật của các tôn giáo Tây Phương mà tín đồ phải phục tùng tuyệt đối mới được cứu rỗi.

“Dân tộc Việt không cần thiết có một thần linh toàn năng mà thiếu lòng thương người, thiếu sự tôn trọng con người.... Ngoài chuyện xem trời là đấng thần linh gần gũi và đầy nhân bản như “con cóc là cậu ông trời”, dân ta lại còn có lúc “bắt thang lên hỏi ông trời” khi có việc bất bình phải hỏi cho ra lẽ, có lúc “bẻ nạng chống trời” khi trời gây tai họa. Quả thật chưa một dân tộc nào khác có được đầu óc cách mạng và ngang tàng đến thế. (Thích Quán Thông, Tin Phật, 1994, tr.79)

8. Để chống đối tư tưởng phong kiến của Hán tộc, coi mình là con trời, người ta đã nguy tạo ra những chi tiết trong các câu chuyện nói về trời với tính cách châm biếm, mỉa mai chẳng hạn: “Ông trời cũng có vợ, cũng vui buồn, sân hận như người trần gian. Khi ông bà trời cãi nhau, đánh nhau thì gây ra sấm chớp, mưa gió, bão lụt dưới hạ giới.”, hoặc: “Ông trời lấy đất sét nặn ra loài người, chẳng may gặp mưa to, một số không kịp cát vào nhà nên bị mưa làm rửa ra thành những người tàn tật.”

Việc châm biếm có tính cách chống đối, không tòng phục bày tỏ được chí hướng ngạo nghễ trong ca dao:

*Ngôi buồn đốt một đồng rom,
Khói lên nghi ngút chẳng thom tí nào,
Khói lên thấu đến Thiên Tào,
Ngọc Hoàng phán hỏi đĩa nào đốt rom.*

9. Trong dân gian có câu hát: “nhất ông Đém Cát, nhì ông Tát Bể, ba ông Kẻ Sao, bốn ông Đào Sông, năm ông Trông Cây, sáu ông Rừng Rú, bảy ông Trụ Trời..v.v...”, không có ông nào lớn hơn ông nào, không có ông nào cai quản ông nào. Sau đó có một số người chịu ảnh hưởng

văn hóa du mục của Trung Quốc mới giải thích rằng ông Trụ Trời là thần tạo dựng ra vũ trụ, trời đất, biển cả....

Ngoài ra còn có người cho rằng truyện ông Bàn Cổ (truyện thần thoại của người Dao, một chi của Bách Việt sống ở Quảng Tây) tạo ra vũ trụ, trời đất, trăng sao...v.v... và chí rận trên người ông Bàn Cổ biến thành loài người là quan niệm của dân tộc Việt. Họ còn cho đó là quan niệm về nhân sinh và vũ trụ có tính chất nhân chủ và nhân bản toàn diện. Con người phát sinh từ chí rận trên mình ông Bàn Cổ có thể nào được gọi là nhân bản, nhân chủ? Có lẽ chúng ta không thể xem đó là tư tưởng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam dù chuyện ông Bàn Cổ là chuyện của người Dao, một chi của Bách Việt.

10. Có thể nói trong thời đại Hùng Vương, các nhà lãnh đạo đã thực hiện thành công cuộc “cách mạng tư tưởng” nên mới thay đổi được cách suy nghĩ và nếp sống của người dân Việt một cách sâu rộng: chẳng hạn như ông Trụ Trời chuyển thành “đầu đội trời, chân đạp đất”; trong nếp sống tạo được thói quen “có việc thì đến, hết việc thì đi” như đã được cụ thể hoá qua hình ảnh Phù Đổng Thiên Vương và Thánh Tản Viên. Chính nếp sống đó đã trở thành đạo sống của người dân Việt: *lấy con người làm trung tâm sinh hoạt chứ không phải thiên nhiên, thần linh hoặc thượng đế hay vật chất.*

Có lẽ ông Trần Cao Vân đã cảm nhận được tinh hoa của tư tưởng nhân bản, **nhân chủ** trong nền minh triết nhân bản Việt Nam nên đã làm bài thơ:

*Trời Đất sinh Ta, có ý không,
Chưa sinh Trời Đất, có Ta trong,
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất in Ta một chữ đồng,
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động,
Ta thay Trời mở Đất mênh mông,
Trời che Đất chở Ta thông thả,
Trời Đất Ta đây đủ hóa công.*

Cho nên, những nhân vật trong các truyện thần thoại của người dân Việt hầu hết đều là con người sống giữa loài người và muôn loài. Lý Ông Trọng chỉ là một người tạo lớn dị thường và Phù Đổng Thiên Vương là một cậu bé vưon vai thành một thanh niên vạm vỡ, nhưng họ vẫn là người. Thánh Tản Viên cũng chỉ là một người trung hiếu, lúc sống tạo được nhiều công đức, nên sau khi chết, được dân Việt thần linh hóa thành Thánh Tản Viên, cũng như Trần Hưng Đạo được tôn làm Đức Thánh Trần. Con người cần tự thắng chính mình, vượt qua thú tính để nhân tính làm chủ tư duy và hành động hầu vưon đến tính siêu việt của Chân-Thiện-Mỹ và thăng hoa mãi mãi. Vì thế, *chúng ta có thể gọi thần thoại Việt là nhân thoại, giai thoại văn dân.*

Mặt khác, như chúng ta đã biết, trong các nền văn hóa khác thì con người được sinh ra từ thần (văn hóa Hy Lạp, Ấn Độ) hoặc con người được nặn ra từ đất sét (văn hóa Babylon) hay chấy rận trên mình ông Bàn Cổ biến thành người. Trái lại, trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước của dân tộc Việt Nam, con người được sinh ra từ con người qua biểu tượng cuộc hôn nhân kỳ thú giữa Âu Cơ và Lạc Long.

Phải chăng cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong thời đại các vua Hùng đã kết tinh được cốt lõi của đạo sống Việt? Đạo sống Việt đã chỉ đạo và điều hướng dân tộc ta vượt mọi thử thách gian nguy trong suốt chiều dài lịch sử.

Khi đọc truyện huyền thoại Lạc Long Quân (Rồng) kết duyên với Âu Cơ (Tiên), sinh ra một bọc trăm trứng nở ra một trăm người con trai, chúng ta nên lưu ý rằng sự việc có thể không thực sự xảy ra như vậy.

Tuy nhiên, huyền thoại Tiên-Rồng thì có thật vì có người đã nghĩ ra và được truyền tụng trong dân gian từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyện Tiên kết duyên với Rồng, đẻ ra một bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, không có gái, có thể không thật nhưng hàm chứa điều có thật: ẩn tàng cốt lõi, tinh hoa của nền minh triết nhân bản Việt Nam. Chính ý nghĩa này của truyện Tiên-Rồng mới thật là quan trọng.

Khi bước chân vào ngôi nhà tâm linh của dân tộc Việt Nam để tìm hiểu, khám phá những nét đặc thù của văn hóa Việt, tinh hoa của đạo sống Việt, không những chúng ta cần thận trọng và sáng suốt mà còn cần thành tâm bỏ thiên kiến và óc thực nghiệm không đúng chỗ, đồng thời cố gắng lột gỡ những tư tưởng ngoại nhập chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, Hải Đảo, Đông Nam Á và Tây Phương, phải vận dụng cả óc lẫn tâm với tâm Việt hồn Việt. Chỉ có làm được như vậy chúng ta mới mong khám phá ra được những thông điệp của tổ tiên ẩn tàng trong nhân thoại của dân tộc Việt Nam.

II. Nội Dung Truyện Tiên-Rồng

Vua Kinh Dương Vương cưới con gái vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi cha, xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân kết duyên cùng Âu Cơ giáp một năm, sinh ra một bọc trăm trứng, cho là điềm không tốt nên đem bỏ ra ngoài đồng nội. Bảy ngày sau, bọc trứng nở ra một trăm người con trai. Âu Cơ mang về nuôi, không phải cho ăn, cho bú mà tự nhiên vẫn lớn trường đại, trí dũng song toàn, ai ai cũng úy phục và bảo nhau đó là những anh em phi thường.

Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: “Ta thuộc loài Rồng, sinh trưởng nơi thủy tộc, nàng là giống Tiên, sinh trưởng trên núi nên vốn chẳng như nhau, tuy rằng nhờ khí âm dương hợp lại mà có con nhưng phương viên bất đồng. Bây giờ phải ly biệt, ta đem 50 con trai về thủy phủ phân trị các xứ, 50 con trai theo nàng ở trên đất chia nước mà cai trị. Dù lên núi, xuống nước nhưng khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Âu Cơ cùng với 50 người con trai ở tại Phong Châu, tự suy tôn người con hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn Lang. Bờ cõi của đất nước chia ra làm 15 Bộ, tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mỹ Nương. Từ đó, giòng giống Việt ngày càng phát triển.

III. Những Điểm Thắc Mắc

Nội dung về truyền thuyết dân tộc Việt Nam như vừa kể trên có những chi tiết kỳ lạ, khó tin. Rồng có thực hay không? Tiên có thực hay không? Có ai trông thấy Rồng và Tiên chưa? Hơn nữa, Rồng và Tiên là hai loài hoàn toàn khác biệt thì làm sao có thể lấy nhau, sinh con đẻ cái được? Lại còn cái bọc trăm trứng nữa?

Vì sao trong bọc lại có 100 trứng mà không phải là 5, là 10, là 50, là 200 hoặc 1000? Tại sao trứng nở ra toàn con trai, không có con gái? Toàn con trai thì làm sao truyền giống được?

Tại sao Lạc Long Quân lại quyết định chia tay với vợ là nàng Âu Cơ và chia con? Chẳng lẽ tổ tiên chúng ta chủ trương vợ chồng không thể sống chung hòa thuận và thương yêu nhau suốt đời hay sao? Việc chia tay có ngụ ý gì? Đã chia tay, chia con, sao cha Rồng còn dặn: “Khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.”?

Truyện Tiên-Rồng (hay truyện Hồng Bàng) trải qua hàng ngàn năm nên chắc chắn có sửa đổi, thêm bớt nhiều nhưng tại sao tổ tiên chúng ta lại cố tâm truyền miệng những điều khó tin, mâu thuẫn, nghịch lý và gằng như hoang đường từ thế hệ này sang thế hệ khác cho đến tận ngày nay?

Trong các huyền thoại của dân tộc Việt Nam không có những trường hợp dâm ô, loạn luân, tàn bạo, bất nhân, bất nghĩa, Vậy tại sao những chi tiết khó tin, đầy mâu thuẫn nghịch lý như truyện Tiên-Rồng không những không bị xóa đi hay sửa đổi cho hợp lý mà còn được dựng tâm truyền tụng cho đến ngày nay?

Như chúng ta được biết, hầu hết các dân tộc trên thế giới đều chọn một con vật để làm vật tổ: Pháp chọn gà trống, Nga chọn gấu, Mỹ chọn chim ưng, Anh chọn sư tử..v.v.... Vì sao tổ tiên dân tộc Việt lại chọn thần tổ kép Tiên-Rồng mà không chọn vật tổ đơn như các dân tộc khác?

Trong thần tổ kép Tiên-Rồng, chúng ta biết rằng Tiên có hình dạng người nhưng không hề chung sống với loài người bao giờ, mà cũng chẳng ai biết hình dáng Tiên ra sao nhưng ai cũng chấp nhận rằng Tiên là người thẳng hoa, xinh đẹp, dịu hiền, uyển chuyển, tâm hồn tràn đầy tình thương, trường cửu.... Có thể nói, Tiên chỉ có trong óc tưởng tượng, chỉ là nhân vật hoang đường, không có thật. Rồng thuộc loài rắn nhưng có chân, có thể bay cao tuy không có cánh, lại có khả năng tung hoành dưới nước, có thể gây sóng tạo gió lớn ngoài biển khơi. Đối với người Việt, Rồng là rắn thẳng hoa, rất linh thiêng, có sức mạnh vô địch, hùng dũng oai phong, biến hóa khôn lường, chuyên cứu khốn phò nguy chứ không phải là con rắn khổng lồ dùng sức mạnh để hại loài người như quan niệm Tây Phương. Dù sao, Rồng vẫn chỉ là một động vật tưởng tượng, chưa ai đích mắt trông thấy bao giờ và rồng không có mặt trong các loài thú vật trên quả đất này. Phải chăng tổ tiên chúng ta, với trí tưởng tượng phong phú và óc sáng tạo độc đáo, đã dùng hình ảnh **Tiên-Rồng là người và vật thẳng hoa** trong huyền thoại để gói ghém những ẩn ý, những thông điệp đặc biệt nhằm mục đích lưu truyền cho con cháu đời sau.

Có lẽ chỉ khi nào những thắc mắc nêu trên được giải đáp thỏa đáng thì cánh cửa kho tàng của nền minh triết Việt mới được rộng mở để chúng ta vận dụng cốt lõi của đạo sống Việt làm tư tưởng chủ đạo cho cuộc dung hóa văn hóa tư tưởng Đông-Tây-Kim-Cổ đang ngự trị trên quê hương ngõ hầu giúp cho dân tộc thoát khỏi cảnh bị động hiện nay.

Phải đứng cho được trên đôi chân của chính mình với tâm Việt hồn Việt thực hiện sứ mệnh cấp bách của chúng ta hiện nay là cố gắng giải mã những thông điệp, di huấn của tổ tiên ẩn tàng trong bộ nhân thoại Việt Nam để làm nền tảng cho cuộc dung hóa tư tưởng hầu vạch ra một hướng đi lâu dài, hợp tình hợp lý cho dân tộc.

IV. Ý Nghĩa Câu Chuyện

*Tổ tiên chúng ta dùng hình ảnh Tiên Rồng như là một biểu tượng, ví như chim bồ câu là biểu tượng hòa bình. Nhưng lòng trong hình ảnh biểu tượng Tiên Rồng, tổ tiên chúng ta còn truyền lại **Chuyện Tiên Rồng, Bọc Trăm Trứng, Cùng Nữ Một Làn, Phân Chia Con Hai Phía...** Đó là những ẩn dụ có nhiều dụng ý sâu sắc về nếp sống nhân bản hiện thực chan hòa tình thương, nếu không muốn nói là triết lý sống nhân bản đích thực. Có tình thương và trí tuệ là có tất cả: tương nhượng, hài hoà, bao dung, vị tha.... “Tiên”, tương âm, biểu tượng cho tình thương. “Rồng”, tương dương, biểu tượng cho trí tuệ. **Tiên và Rồng** kết hợp là hình ảnh của con người thẳng hoa. **Bọc trăm trứng** là biểu tượng **muôn dân trăm họ**, ý nói là nhiều sắc dân hợp lại hình thành dân tộc Văn Lang.*

Nhiều người đã không tìm hiểu hoặc lười suy nghĩ khi cho rằng truyện Tiên Rồng là một huyền thoại hoang đường, rằng Tiên Rồng không có thật vì con người không thể do Tiên Rồng

sinh ra! Nhiều người còn chấp vào chữ chia con để cho rằng từ thời Tiên Rồng dân tộc Việt-Nam đã có bản chất chia rẽ từ trong tiềm thức: 50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển! Nếu chúng ta chịu tìm hiểu lịch sử Việt Nam qua chiều dài trên 4000 năm và suy nghĩ sâu xa hơn về những ẩn dụ trong truyền thuyết Tiên Rồng, chúng ta sẽ thấy được cốt lõi của những ẩn dụ mà tổ tiên Việt Nam muốn để lại cho hậu thế qua truyện Tiên Rồng. Tổ tiên Việt Nam đã dùng truyện Tiên Rồng để nhấn nhủ con cháu cần cùng cố và phát huy nếp sống (đạo sống) nhân bản và hiện thực, chan hòa tính người và tình người, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, nhờ đó mà mọi người cùng thăng tiến. Hiểu rõ được cốt lõi của biểu tượng Tiên Rồng, chúng ta phải hãnh diện là tổ tiên chúng ta đã sớm giác ngộ được lý vận hành âm dương, qua hình ảnh kết hợp kỳ diệu giữa Tiên và Rồng (âm dương) trước khi tiếp xúc với Trung Hoa và Ấn Độ.

Nhờ kinh nghiệm sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, **lấy tình nghĩa làm đầu**, với cái nhìn thảo mộc (hiếu hòa, thích nghi) của người nông dân, thường xuyên quan sát môi trường sống để phát triển nông nghiệp hầu thăng hoa cuộc sống và con người, cha ông chúng ta đã sớm ý thức lý biến dịch tự nhiên, tức lý âm-dương kết hợp và vận hành trong vũ trụ vạn vật và hệ luận là **lý đối lập thống nhất** (tuy hai mà một, tuy một mà hai), **lý tác động hai chiều** (có qua có lại mới toại lòng nhau, thương người người lại thương ta), **lý tương đối và tinh thần hợp hợp tác đồng lao** (nay người, mai ta).

Chính nhờ kinh nghiệm sống định cư và cách làm ăn (trồng lúa nước), thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*), “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” (Trần Gia Phụng) và cùng tiến đã xây dựng nếp sống tương nhượng hài hòa trong xóm làng (**hòa cả làng**). Sự hài hòa trong nếp sống (đạo sống Việt) của người nông dân Việt Nam, khởi đi từ lối sống hài hòa giữa thân và tâm, với nếp sống hòa thuận trong gia đình phân công (*chồng chài vợ lưới con câu*), hòa mục trong xã thôn tự trị, đến sự thái hòa của đất nước qua chế độ địa phương phân quyền (*phép vua thua lệ làng*). Trong nếp sống của người nông dân Việt “**hòa**” là chủ đạo trong mọi liên hệ ứng xử.

Hài hòa là điều kiện thuận lợi để thăng hoa con người và cuộc sống với định hướng con người tương thông với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ mà khởi điểm là “*trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*”.

Ở đâu có hài hòa thì ở đó có bình đẳng. *Không có gì diễn tả đầy đủ và trọn vẹn sự bình đẳng tốt cùng bằng hình ảnh trăm con nở ra cùng một lúc. Ở đâu có bình đẳng thì ở đó có tự do. Không thể có tự do bất bình đẳng và cũng không thể có bình đẳng thiếu tự do.*

Trên bình diện tâm lý và xã hội, *bình đẳng là tinh thần cao độ của một tập thể con người không bóc lột nhau: Công bằng là đạo người ta ở đời. Tự do là tinh thần cao độ của một tập thể con người biết chấp nhận dị biệt: Rằng trong lẽ phải có người có ta.*

Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng - như nước bốc hơi - thăng hoa mãi theo chiều kích tâm linh, phát triển tình thương và trí tuệ, với định hướng con người hòa cùng vũ trụ, giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện.

Điểm độc đáo của cha ông chúng ta là có sáng kiến gói ghém một cách tài tình những kinh nghiệm sống và tinh hoa của đạo sống Việt trong *thần tổ kép Tiên-Rồng*, gọi lên hình ảnh hài hòa, tự do, bình đẳng, tình thương và trí tuệ,... để lưu truyền lại cho con cháu.

1. Cuộc Hôn Nhân Giữa Mẹ Tiên và Cha Rồng

Cuộc hôn nhân giữa Mẹ Tiên Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long nói lên ý nghĩa trong cuộc sống phải biết chấp nhận dị biệt.

Vì nhu cầu tồn tại và phát triển nông nghiệp, chăn nuôi để cung ứng đầy đủ thực phẩm cho dân, ông cha ta sớm có chủ trương hình thành một đất nước, một dân tộc bằng cách kết hợp nhiều bộ tộc thuộc các sắc tộc khác nhau nhưng sinh sống trên cùng một địa bàn:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Trong bối cảnh hình thành một dân tộc như đã nêu trên, dân tộc Việt Nam đã tạo dựng được một cơ cấu xã hội đặc biệt: xã thôn tự trị, mang tính dân chủ. Cơ cấu ấy lấy gia đình làm đơn vị tâm lý căn bản để phát triển nếp sống tình cảm và suy tư, lấy xã thôn tự trị làm đơn vị hành chính cơ bản để phát triển sinh hoạt kinh tế, chính trị và văn hóa.

Phép vua thua lệ làng.

hay:

*Quan có cần nhưng dân không vội,
Quan có vội, quan lợi quan đi.*

Vì thế, tuy sống dưới chế độ quân chủ, ngoài trừ nhà vua được quyền thế tập, tất cả các thành phần khác trong xã hội đều phải chứng tỏ tài năng, đức độ và cố gắng riêng của cá nhân để có một chỗ đứng trong xã hội chuyển hóa không ngừng nghỉ của dòng sông sinh động: *Không ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời.*

Cơ cấu xã thôn tự trị thể hiện tinh thần dân chủ thấm thiết tình người của dân tộc Việt. Tinh thần dân chủ đặc thù này đã tạo được sự đoàn kết tổng hợp tinh thần và vật chất (Tiên-Rồng) tạo nên sức mạnh vô địch để đối phó với mọi trạng huống hiểm nghèo của đất nước. Theo truyền thống dân chủ đặc thù này, vua nhà Trần đã mở Hội Nghị Diên Hồng chiêu tập các bô lão đại diện cho toàn dân để hỏi ý kiến nên hòa hay nên chiến khi giặc Mông Cổ hùng mạnh mang quân xâm chiếm nước Việt. Kết quả của Hội Nghị Diên Hồng là một sự đoàn kết chặt chẽ chưa từng thấy của vua, quan và toàn dân quyết tâm chống xâm lăng để giữ vững giang sơn. Nghĩa là ông cha chúng ta đã thể hiện được sự cảm nhận và diễn dịch Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) vào dòng sông; với tâm Việt hồn Việt, người nông dân hòa mình hội nhập vào dòng sông để rồi với tâm Việt hồn Việt, họ trải dài dòng tâm thức dân tộc từ ngàn xưa tới ngàn sau, với nếp sống hài hòa trong xã thôn, trong tính người và tình người (nếu không muốn nói là tình thương).

Có thể nói, cơ cấu xã hội Việt Nam từ cổ chí kim đều xoay quanh hai trục thực tại và thực tiễn: gia đình và xã thôn tự trị.

Trong cuộc phấn đấu đầy cam go để thích nghi với môi trường sống, để tồn tại và phát triển, tổ tiên chúng ta còn rút tía ra được một triết lý sống: ***liên hệ giữa người với người là liên hệ hài hòa trong đó mọi dị biệt được chấp nhận với tinh thần cởi mở, bao dung.***

Kinh nghiệm sống đã giúp cho các sắc tộc sống trong cùng một địa vực “khác giống nhưng chung một giàn”, hình thành một quốc gia muốn đoàn kết để sinh tồn và phát triển thì lẽ dĩ nhiên phải biết chấp nhận dị biệt, như Âu Cơ (thuộc giống Tiên, sống trên núi) và Lạc Long (thuộc giống Rồng, sống dưới nước: “*rằng trong lẽ phải có người có ta*” trong tinh thần cởi mở bao dung, hài hòa “*hòa cả làng*”). Chấp nhận dị biệt là chấp nhận tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, “*trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ*” và tự do phát triển khả năng (xem truyện Am Tiêm) để cùng nhau tạo dựng một xã hội tự do bình đẳng (xem truyện Tiên Dung-Chử Đồng Tử) đầy tính người và tình người:

*Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, mình lại hóa ra ghét mình.
Thương người như thể thương thân.*

Cha ông chúng ta đã gói ghém những kinh nghiệm sống thực tiễn đó trong thần tổ kép Tiên-Rồng để nhắn gửi cho con cháu kinh nghiệm sống hài hòa. Có thể gọi đó là triết lý sống Tiên-Rồng.

2. Thần Tổ Kép Tiên-Rồng

Dân tộc nào cũng có cội nguồn, tâm tư, tình cảm, tâm thức và ước vọng riêng nên thường chọn một vật tổ làm biểu tượng cho dân tộc mình. Dân tộc Nhật chọn Thái Dương Thần Nữ làm vật tổ để biểu tượng sự cao quý của dân tộc mình. Hoa Kỳ chọn Chim Ưng để tượng trưng cho sức mạnh. Dân Pháp lại chọn Gà Trống làm biểu tượng vì tự coi mình có văn minh sớm và có nhiệm vụ cao quý là đem nền văn minh đó đến cho các dân tộc khác. Hoa tộc lúc đầu chọn con Ngựa làm vật tổ, sau đổi thành Long Mã, rồi lại đổi thành con Hổ và sau cùng lấy Rồng làm vật tổ. Người Anh chọn Sư Tử làm biểu tượng cho sức mạnh và mộng bá chủ hoàn cầu. Nga Sô chọn con Gấu trắng, dân tộc Đức chọn chim Ưng...,v.v....

Vì thế, việc dân tộc Việt Nam có vật tổ cũng chỉ là một điều bình thường, không có gì đáng nói. Tuy nhiên, không như các dân tộc khác trên thế giới, vật tổ của dân tộc Việt Nam không phải là vật tổ đơn mà là vật tổ kép: **Tiên-Rồng**. Phải chăng tổ tiên chúng ta khi chọn thần tổ kép Tiên-Rồng đã gói ghém trong đó sự chuyển tải Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) vào cốt lõi của nền minh triết nhân bản Việt Nam?

Dân tộc Việt Nam có biểu tượng là Tiên Rồng. Điểm độc đáo là tổ tiên chúng ta đã chọn hai yếu tố làm biểu tượng cho dân tộc: Tiên và Rồng. Tại sao tổ tiên ta lại chọn hai vị Tiên và Rồng mà không chọn một như các dân tộc khác trên thế giới? Các sắc dân sống ở thời đại văn hóa Hòa Bình, trong đó có nhóm Lạc Việt đã nắm bắt được **lý Âm Dương kết hợp và vận hành** trải qua cuộc cách mạng trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6000 – 7000 năm.

Trong thái dương hệ này, **sự sống phát sinh**, hiện hữu và tồn tại của vạn vật, muôn loài, kể cả loài người trên trái đất, đều do lý vận hành âm dương. Thực tế cũng như khoa học cho thấy mọi loài, mọi hiện tượng, mọi trạng thái không thể chỉ có một yếu tố Âm hoặc Dương mà tồn tại được. Với cái nhìn sâu rộng về nhân bản và hiện thực, **ông cha chúng ta lấy lý vận hành âm dương làm đuốc soi đường cho dân tộc trong nếp sống thuận lý theo thiên nhiên** (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*), tương nhượng, thích nghi, hài hòa, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, và cùng tiến.

Từ sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống, Tổ tiên chúng ta đã đồng hóa Âm Dương với Tiên Rồng, và thần hoá Âm Dương thành cha mẹ của dân tộc: Mẹ (âm) Tiên Âu Cơ, Cha (dương) Rồng Lạc Long. Thay vì nói “con Dương cháu Âm”, chúng ta hẳn đã hãnh diện hơn khi Tổ Tiên chúng ta nói “con Rồng cháu Tiên”. “Tiên” tượng trưng cho tình thương, dịu hiền, hài hòa, xinh đẹp, thanh nhàn và vĩnh cửu. “Rồng” tượng trưng cho trí tuệ, sự hùng dũng, nhẫn nại, biến hóa, linh động, thích nghi, cương quyết, quật cường, bất khuất, hùng khí, hào hiệp, oai hùng. Cuộc hôn nhân giữa mẹ Tiên và cha Rồng là sự kết hợp linh động của nét thanh nhã, dịu hiền, hiền hoà, với sức mạnh oai hùng và tài năng biến hóa thích nghi. Sự kết hợp Mẹ Tiên và Cha Rồng đã tạo nên dân tộc Việt Nam, con Rồng cháu Tiên, một dân tộc vừa hiền hòa, dịu hiền, thanh nhã, hiếu hòa, vừa cương quyết bất khuất, nhẫn nại, hào hùng, vừa tình vừa lý, vừa linh động vừa thường hằng, vừa tổng hợp vừa phân tích, vừa hướng ngoại, vừa hướng nội, vừa vật chất vừa tinh thần..., không duy không chấp.

Đó là ân ý, là thông điệp mà tiên nhân muốn trao gửi cho hậu thế: Phải thăng hoa cuộc sống và con người như Tiên và Rồng để tự hào về đặc tính và phẩm chất nhân bản hiện thực của dân tộc Việt Nam mà tổ tiên đã xây dựng được từ ngàn xưa.

Ngày nay không còn nghi ngờ là cư dân Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Việt Nam) đã thực hiện thành công cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6000 – 7000 năm.

Theo tiến sĩ Solheim II, giáo sư nhân chủng học ở Đại Học Hawaii thì vỏ hạt thóc *Oriza Sativa* tìm thấy trong nền văn hóa Hòa Bình đã có trước thóc tìm thấy ở Ấn Độ và Trung Hoa khoảng 1000 năm (Nguyệt san National Geographic, số tháng 3 năm 1971).

Thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*), sống với nghề nông, trồng lúa nước ổn định lâu đời, người nông dân Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Văn Lang, sau gọi là dân tộc Việt Nam) **nắm bắt được lý âm dương kết hợp và vận hành trong vũ trụ**, từ những sự kiện cụ thể trong cuộc sống (mẹ cha, trời đất, nắng mưa, nước lửa, đực cái, trồng mái...)

Như đã trình bày ở phần trên, tổ tiên chúng ta có sáng kiến đồng hóa âm dương với Tiên Rồng, đồng thời thần hóa thành mẹ cha của dân tộc Văn Lang thành mẹ Tiên Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long.

Tiên và Rồng không có thật, nhưng Tiên Rồng được dùng trong ý nghĩa Tiên là âm, Rồng là dương và là biểu tượng cho “con người thăng hoa”. Tiên tượng trưng cho dịu hiền, nhu thuận, nhân ái, trường tồn, Rồng biểu tượng cho biến hóa, linh động, kiên cường, bất khuất, nhẫn nại. Cuộc hôn nhân của Tiên Rồng (thần tổ kép Tiên Rồng) là sự kết hợp linh động và sinh động của nét thanh nhã hiền hòa với sức mạnh dũng cảm và tài năng thích nghi biến hóa.

Đó là ẩn ý trong thông điệp mà tiền nhân muốn trao gửi lại cho hậu thế **phải xây dựng cho người dân Việt Nam những đặc tính nói trên** để tự hào là con Rồng cháu Tiên.

Thông điệp THẦN TỔ KÉP TIÊN RỒNG, nói theo ngôn từ ngày nay, được xem như **Bản Hiến Pháp Đầu Tiên Của Dân Tộc Việt Nam**, với các điều khoản sau đây:

- I. **Dân tộc Văn Lang (về sau gọi là dân tộc Việt Nam) là con Rồng cháu Tiên.** (Bộ tộc Lạc Việt thuộc chủng tộc Bách Việt đã hòa hợp với cư dân Hòa Bình và Bắc Sơn hình thành dân tộc Văn Lang thời vua Hùng Vương dựng nước trong nền văn hóa Phùng Nguyên).
- II. **Lấy lý âm dương kết hợp và vận hành** với những hệ luận đối lập thống nhất, tương quan nhân quả và lý tương đối (trong âm có dương, trong dương có âm) **làm kim chỉ nam soi đường cho dân tộc.**
- III. **Tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc** trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm. Tiên sống trên núi (non **Nhân**), Rồng sống dưới biển (nước **Tri**), Mẹ Tiên và Cha Rồng là biểu hiện rạch rỡ của tình thương và trí tuệ trong nếp sống nhân bản và hiện thực của dân tộc.
- IV. **Hòa là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử**, khởi đầu từ nếp sống hòa thuận và phân công trong gia đình (thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn), hòa hợp trong xóm làng (hòa cả làng) đến sự thái hòa của đất nước.
- V. **Mọi người sinh ra đều bình đẳng** (qua hình ảnh bọ trăm trứng nở trăm con cùng một lúc, không có người trước người sau).
- VI. **Mọi người trong xã hội đều là người thân ruột thịt**, qua biểu tượng bọ trăm trứng và thể hiện trong nếp sống qua cách xưng hô: chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, v.v..., trong đại gia đình nhân loại: “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”, (giàn nhân loại). Tất cả các dân tộc trên trái đất đều cùng một nguồn sống là thiên nhiên, cùng tưới tắm trong nguồn yêu thương vô tận của trời đất và cùng sống trong một ngôi nhà (trái đất).

- VII. **Đỉnh cao tuyệt đích của người Việt Nam, dân tộc Việt Nam** (chứ không phải chủng tộc Bách Việt) là **thăng hoa như Tiên Rồng** (như nước bốc hơi). Thăng hoa theo chiều kích tâm linh, phát triển tình thương và trí tuệ qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh, với cảm nang dịch lý “*học ăn, học nói, học gói, học mở*” với định hướng: biến hóa, thăng hoa, hòa đồng, hòa cùng vũ trụ, giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện, không kêu cầu đến tôn giáo, ý thức hệ, chủ nghĩa hay triết học v.v...
- VIII. **Con đường sống của dân tộc là “nhân đạo”, lấy con người toàn diện**, không duy gì cả, **làm gốc, làm tâm điểm cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần**, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc, với nếp sống thuận lý theo thiên nhiên “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” và cùng tiến.

2.1 Sự hiểu biết bắt nguồn từ kinh nghiệm sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước.

Con người ra đời trong trời đất – “đầu đội trời, chân đạp đất” – sống giữa thiên nhiên cùng muôn loài. Từ thuở ban sơ, con người học hỏi từ thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) và ở chính mình để tăng dần sự hiểu biết. Có thể nói rằng thiên nhiên là ông thầy đầu tiên của con người và mãi mãi là ông thầy vô tư vi diệu nếu con người vẫn chịu khó để tâm quan sát học hỏi.

Trải qua tiến trình lâu dài hàng chục vạn năm, môi trường sống luôn luôn thay đổi. Nhờ quan sát học hỏi từ thiên nhiên và cuộc sống đầy sinh động, con người cổ đại ngày càng hiểu biết hơn, hiểu ra được quy luật về chu kỳ của sự biến chuyển thời tiết; biết được tính chất của đất đai; hiểu quy luật vận hành của thiên nhiên cùng muôn vật. Những tri thức thực nghiệm đó giúp cho con người cổ đại thích nghi với môi trường sống để tồn tại và phát triển về mọi mặt vật chất lẫn tinh thần.

Không mở mắt, mở lòng, không động não, hai tay không lao động, con người không sống nổi. Tìm những loại trái ăn được qua quan sát các loài chim ăn trái chín trên cành, sục lượm quả dưới đất. Hiểu được tính chất cỏ cây, thảo mộc, con người mới chọn trái lành, tránh quả độc. Hiểu được loài vật mới chống lại thú dữ, săn mồi lấy thịt dễ dàng hơn. Hiểu được núi rừng, suối, sông, nắng mưa, gió bão mới tìm hang động kín đáo trú ẩn.

Những miếng đá vỡ sắc cạnh rải rác trên sườn đồi đã gợi ý họ ghè, đẽo đá làm dụng cụ (dao đá, nạo đá, v.v...) và vũ khí. Từ đó con người đào tìm củ dễ dàng hơn tìm bới bằng tay, săn được thú, bắt được cá nhiều hơn.

Sự hiểu biết tăng dần, tăng dần. Do những vụ cháy rừng, con người biết dùng lửa để sưởi ấm; và nhờ ăn được những con thú chết cháy, họ bỏ thói quen ăn thịt sống. Con người càng ngày càng khôn ngoan hơn, càng “người” hơn. Con người không ngừng thăng tiến về mọi mặt. Càng ngày càng hiểu thêm muôn vật và môi trường sống.

Sau một thời gian dài, từ săn bắt hái lượm, đào củ – sống du canh du cư – người Việt cổ ở Hòa Bình biết thuần hóa cây nông nghiệp, thú vật, chuyển sang đời sống định canh định cư: trồng trọt, trồng lúa nước và nuôi gia súc.

Ai đã dạy họ trồng trọt? Phải chăng môi trường sống và đời sống thực tiễn là ông thầy của họ? Thường ngày họ hái lượm quả chín ở trong rừng sâu đem về hang động, cùng nhau ăn, ăn xong, vớt hạt xuống đất ẩm, hạt nảy mầm, mọc lên thành cây, sinh hoa kết trái....

Từ đó, họ phá rừng để biến thành vườn nương: vườn tược trồng cây ăn trái, đồi nương trồng rau dưa, bầu bí, khoai, v.v....

Thế là nghề nông xuất hiện, đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong đời sống của cư dân Hòa Bình. Từ những kinh nghiệm trồng trọt nói trên họ ý thức được nước giúp cho thảo mộc

tăng trưởng mạnh và tốt tươi nên họ tìm cách thuần hóa giống lúa hoang trở thành giống lúa trồng trong ruộng nước; và thuần hóa con trâu để giúp họ canh tác ruộng lúa nước. Tiến trình canh tác lúa nước được chia ra nhiều công đoạn: cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa, v.v... (cách thuần hóa cây lúa nước và kỹ thuật canh tác lúa nước không thuộc chủ đề của bài viết này).

Cách kiếm ăn mới – trồng trọt, trồng lúa, trồng lúa nước – đòi hỏi phải biết kỹ hơn, sâu sắc hơn cây cỏ, thời tiết, nắng mưa, v.v... chẳng hạn trồng lúa nước, không phải muốn gieo hạt giống lúc nào thì gieo lúc ấy, mà phải theo đúng thời tiết từng thời vụ.

Như vậy, từ buổi đầu con người (văn hóa SƠN VI, HÒA BÌNH, BẮC SƠN) quan sát thiên nhiên để học hỏi từ thiên nhiên (thiên thư vô ngôn của Trời Đất). Nói cách khác, thiên nhiên là người thầy đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Quan sát để **học**. Học để **biết**. Biết để **làm**. Làm để **sống**. Rồi vừa làm vừa học. Làm đến đâu học đến đó. Biết đến đâu sống và làm đến đó. Biết rồi bảo nhau cùng biết để thăng tiến con người. Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội và ngược lại. Vì sống phải làm, mà làm thì tăng sự hiểu biết. “**Sống – làm – biết**” và ngược lại **biết – làm – sống**. Chính tri thức thực nghiệm này đã xây dựng và phát triển óc thực tiễn của người Việt xưa và xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên: *trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*.

Về sau, mãi về sau, mấy ngàn năm sau, cái tri thức thực nghiệm “**sống-làm- biết**” và “**biết-làm-sống**” đó đã được ông cha ta huyền thoại hóa, qua hình ảnh Tiết Liêu biết cách làm bánh, rồi tự tay làm bánh để dâng cúng tổ tiên và tiêu dùng (**sống**) trong chuyện “**Bánh dày Bánh chưng**”. Phải chăng Tiết Liêu làm bánh dâng cúng tổ tiên, và được vua cha chọn làm thái tử là huyền thoại, nhưng tục thờ cúng tổ tiên và tri thức thực nghiệm “**sống-làm- biết**” và “**biết-làm-sống**” tức “**trình thần thực tiễn**” là **hiện thực**?

Bất cứ nhà khảo cổ học, dân tộc học và sử học nào cũng biết rằng nếp sống thời đá mới, trên cơ bản vẫn được duy trì trong nếp sống nông thôn của nhân loại thậm chí mãi đến thế kỷ 18 – 19.

Ông Claude-Levi-Strauss cho rằng “một trong những giai đoạn nhiều sáng tạo nhất của lịch sử nhân loại xảy ra vào thời đại đá mới với sự phát minh ra trồng trọt, chăn nuôi... muốn đạt đến những thành quả vĩ đại này, không phải trong chốc lát là được, mà trái lại, những tập thể loài người bé nhỏ lúc bấy giờ đã phải trải qua hàng mấy nghìn năm quan sát, thí nghiệm và truyền đạt kinh nghiệm từ đời này sang đời khác”. Sự nghiệp vĩ đại này đã diễn ra một cách tốt đẹp, liên tục và thành công.

Ông còn đi xa hơn nữa, có thể nhiều người không tán thành quan điểm của ông khi ông phát biểu rằng “con người chỉ thực sự sáng tạo những công trình vĩ đại vào buổi đầu. Trong bất cứ lĩnh vực nào, chỉ có bước đầu là hoàn toàn có giá trị, những giai đoạn kế tiếp chỉ là sự lặp lại những giai đoạn đã qua”.

Kinh nghiệm sống cho biết con người học hỏi bằng mắt: **quan sát**; học hỏi bằng tay: **lao động** và học hỏi bằng óc: suy tư, nhận xét, **sáng tạo**. Người nông dân trồng lúa nước phải quan sát trời (thời tiết) trăng sao, đất đai, mưa, gió thật tỉ mỉ để hoạch định công việc cày cấy, để sãn sóc, chăm bón đồng ruộng.

Sống với nghề nông trồng lúa nước ổn định lâu đời cách ngày nay 6000 – 7000 năm (thời đại văn hóa Hòa Bình), người nông dân Việt, với kinh nghiệm sống thực tiễn, thấu hiểu rằng muốn giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thì **phải nhìn thẳng vào sự thật trong hiện tại** (thực tại). Về sau ông cha diễn tả cái biết này qua câu:

“Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”.

Nghề nông trông lúa nước bắt buộc người nông dân nhìn thẳng vào đất đai, thiên nhiên, thời tiết:

*Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.*

Quan sát những hiện tượng thiên nhiên – hướng gió, độ mưa, sắc mây, quang trăng, én bay thấp hay bay cao, quạ tắm hay sáo tắm v.v... **tức quan sát thực tại để tìm hiểu sự thật** / chân lý (mưa hay nắng, mưa ngập bờ ao hay mưa rào lại tạnh v.v...) hầu giải quyết trở ngại cho việc gieo trồng nói riêng, cho cuộc sống nói chung:

*Quạ tắm thì ráo (nắng)
Sáo tắm thì mưa
Én bay thấp mưa ngập bờ ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh
Trăng quang thì hạn, trăng tán thì mưa.*

Nói theo ngôn ngữ triết học ngày nay, ông cha ta đã sớm ý thức thực tại là tiêu chuẩn của chân lý, nếu không muốn nói thực tại là chân lý. Quan sát bên ngoài chưa đủ mà còn phải quan sát ở chính mình để tự hiểu mình, phải có quyết tâm mới có thể đạt được kết quả tốt trong công việc: *trông cho chân cứng đá mềm.*

Không tự hiểu mình, không thể tiến xa được, không thể sống yên vui được. Ông cha ta đã rút được kinh nghiệm: *“trăm hay xoay vào lòng”* vì *“ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình”*. Tự hiểu mình để đi đến chỗ ý thức lòng mình (tâm mình) với tâm vũ trụ là một, hòa cùng vũ trụ: *trời trong biển lặng mới yên tâm lòng.*

Tri thức thực nghiệm của người nông dân Việt xưa căn cứ trên quan sát các hiện tượng thiên nhiên, cuộc sống và chính mình, rồi đem các quy luật vận hành đã ghi nhận được ứng dụng vào lĩnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quang trăng... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết cho nhà nông. Vì thế cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết, tương quan, tương cảm đã phản ánh sâu đậm trong “nhân sinh quan thảo mộc” với “cái nhìn thảo mộc” (thích nghi, hài hòa, của nông dân Việt). Nó khác với cái nhìn “đoàn lũ” (nhân sinh quan du mục), chăn nuôi theo bầy đàn với đánh đập la hét của người Trung Hoa và Tây Phương.

Người nông dân rất thực tế. Họ trông trời (thời tiết), trông đất, trông mây, trông gió, trông ngày, trông đêm. Họ biết chờ đợi mưa thuận gió hòa để khởi sự gieo trồng, hầu thu hoạch được tốt đẹp. Qua kinh nghiệm sống, họ biết phải nương tựa vào thiên nhiên, thích nghi, thích ứng với thiên nhiên để tồn tại và phát triển hầu thăng hoa con người và đời sống. Kinh nghiệm sống với những tri thức thực nghiệm cũng giúp cho họ biết rằng nếu sống xa cách thiên nhiên hay phá hoại thiên nhiên, con người khó tồn tại một cách lành mạnh.

Truyền thống bảo vệ môi sinh của nền văn hóa xóm làng còn ghi nhận được qua chiếu chỉ của vua Lý Nhân Tông năm 1126 (Bính Ngọ): “cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây” (Đ.V.S.K.T.T, trang 294).

Điều đó cho thấy, từ ngàn xưa, thiên nhiên, môi trường sống nói chung, cây lúa nước nói riêng đã dạy ông cha ta thấu hiểu muốn tồn tại phải bảo vệ môi sinh. Nhìn lộc non vừa nhú lên trong mùa xuân, đây nhựa sống với biết bao niềm vui. Chặt cây cối trong mùa xuân là diệt mầm sống, là phá hoại thiên nhiên. Sự hiểu biết chân xác đó với chiếu chỉ nói trên của ông cha ta là

niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

Có thể nói cây lúa nước và nước nói riêng, thiên nhiên nói chung đã thăng tiến sự hiểu biết, đồng thời xây dựng đặc tính của người Việt Nam ngày xưa. Có lẽ tinh thần thực tiễn là yếu tính nổi bật nhất. Chính tinh thần thực tiễn đã giúp ông cha ta nắm bắt được một cách sâu sắc những yếu tính của nước, cây lúa nước và thiên nhiên; điểm độc đáo nhất là xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên (*trông cỏ trời đất liệu thời làm ăn*), sống trọn vẹn với cuộc sống, sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình trong tính người và tình người.

Qua kinh nghiệm trồng trọt với óc thực tiễn, tâm hồn thuần phác phóng khoáng và ý thức được mọi sự, mọi vật, cũng như đời sống luôn luôn đổi thay, ông cha ta không đúc kết những kinh nghiệm sống và những tri thức thực nghiệm (triết lý sống) thành một hệ thống triết học theo quan điểm của Trung Hoa hay Ấn Độ hoặc Tây Phương. Dòng sống luôn luôn trôi chảy không ngừng nghỉ không thể đóng khung, hệ thống hóa được.

“Triết lý sống” của người Việt thể hiện trong “cách sống” và đã trở thành “nếp sống” của người dân. Họ vượt thoát mọi đối lập và mâu thuẫn của đời sống một cách cụ thể, thiết thực trong nếp sống thực tiễn, khước từ bạo lực (*khôn chẳng qua lỗ, khỏe chẳng qua lời*), chấp nhận đi biệt (*rằng trong lỗ phải có người có ta*) tương nhượng (*ai nhất thì tôi thứ nhì, ai mà hơn nữa thì tôi thứ ba*) sống bằng (*công bằng là đạo người ta ở đời*) thích nghi và hài hòa (*hòa cá làng*).

Văn hóa Việt Nam cổ truyền, về bản chất là văn hóa xóm làng, văn hóa truyền miệng: sống thực với sự thật đang xảy ra trong hiện tại (thực tại) không lập thuyết hay tôn giáo hóa qua ngôn từ; không chữ nghĩa hóa triết lý sống để rồi cuộc sống trở thành khuôn mẫu khô cứng hoặc trở thành những khái niệm trừu tượng như trong các nền văn hóa khác.

Họ thích nghi với hoàn cảnh sống một cách tự nhiên: ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; không cố chấp bất cứ điều gì, lỏng lẻo như nước: ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy, để không hại mình hại người, không lạc lõng ra khỏi cuộc sống chung của gia đình, xã hội và thiên nhiên. Tùy thời, tùy chỗ, tùy người mà ứng xử một cách linh động, hòa mình vào cuộc sống:

*Đắc thời đắc thế thì khôn
Sa cơ rỗng cũng như giun khác nào.*

Qua kinh nghiệm sống của nghề trồng lúa nước, nông dân bắt buộc phải tuân thủ thời vụ. Từ đó, họ, người nông dân ngày xưa, biết sống hài hòa với đất đai, thời tiết (trời) thiên nhiên. Mặt khác, trồng lúa nước phải trải qua nhiều công đoạn và để kịp thời vụ một gia đình không thể nào chu toàn hết mọi việc. Người nông dân với tinh thần thực tiễn đã tìm ra phương thức đổi công / vãn công cho nhau, nay người mai ta, một cách thực tế và thiết thực. Dần dần tập tục đổi công / vãn công trở thành truyền thống “có việc thì đến hết việc thì đi” trong nếp sống, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” (Trần Gia Phụng).

Lần hồi qua đổi công / vãn công cho nhau, người nông dân trở thành gần gũi nhau hơn, tha thiết với nhau hơn... để rồi mặc nhiên xây dựng nếp sống tương thân tương ái, lấy tình nghĩa làm đầu (một bồ cái lý không bằng một tí cái tình), coi nhau như bát nước đầy là hơn.

Nếp sống chan hòa tình người đó đã điều hòa cuộc sống quần cư trong xóm làng, tạo sự gần bó hài hòa (*hòa cá làng*) hóa giải mọi mâu thuẫn bằng tình thương: thương nhau củ ấu cũng tròn, dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng. Lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc; với đạo lý thương người như thể thương thân, thể hiện qua cách xưng hô tràn đầy thân thương, có một không hai trên thế giới: chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, anh, chị, em v.v....

Nếp sống chan hòa tình gia đình mang tính thực tiễn và thực tế đó được huyền thoại hóa qua biểu tượng bọc trăm trứng nở trăm con (đồng bào) để nhắc nhở người Việt Nam thương yêu, đùm bọc nhau như anh em cùng một mẹ (mẹ Tiên Âu Cơ).

Với tinh thần thực tiễn và óc thực tế, người nông dân Việt Nam ngày xưa chấp nhận thực tại (sự thật đang xảy ra) mà không có vấn đề với nó (chẳng hạn con đàng đồng vừa trồng vừa chạy. “Con đàng đồng” là một thực tại, là cái đàng xảy ra, không thể thay đổi được, chấp nhận thực tại một cách trọn vẹn, tìm cách thích nghi, thích ứng, sắp xếp công việc, “vừa trồng vừa chạy”). Thấm nhuần tinh thần thực tiễn trong nếp sống thuận lý theo thiên nhiên nhà cách mạng Lý Đông A đã khẳng định rằng **thực tại là tiêu chuẩn của chân lý**.

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước là nếp sống, thuận lý theo thiên nhiên (trông cơ trời đất đất liệu thời làm ăn) sống trọn vẹn với cuộc sống trong tình người và tình người là sống đạo. Nói cách khác, với tinh thần thực tiễn và óc thực tế, người nông dân ngày xưa chú trọng “sự thật” hơn là đề cao hư danh, “sống thực tế” hơn là cao rao lý tưởng, “sống trọn vẹn” với hiện tiền hơn là mơ tưởng một tương lai sau khi chết.

Cho nên, **đạo lý dân tộc không bàn về đời sau, không hướng tới Thiên Đàng hay Niết Bàn mà với tinh thần thực tiễn và óc thực tế sống trọn vẹn với cuộc sống trong tình người và tình người ngay tại đây và bây giờ là sống đạo, ngoài ra không có đạo nào khác**. Chỉ quan tâm đến thăng hoa cuộc sống và con người như Tiên Rồng như nước bốc hơi theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ ngay tại đây và bây giờ. Thăng hoa, thăng hoa mãi qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nang dịch lý – học ăn, học nói, học gói, học mở, với định hướng tâm học – Biện, Hóa, Thăng hoa, Hòa đồng - hòa cùng vũ trụ.

Chính tinh thần thực tiễn đã giúp ông cha chúng ta về tận cội nguồn, Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên), chuyên tải lý vận hành vũ trụ vạn vật muôn loài vào dòng tâm thức và mạch sống của dân tộc. Lý vận hành âm dương đã được huyền thoại hóa qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng (Mẹ Tiên Âu Cơ = Âm, Cha Rồng Lạc Long = Dương).

Lý vận hành âm dương (Tiên Rồng) và cách làm ăn (trồng lúa nước) hòa quyện với tinh thần thực tiễn đã xây dựng cho người Việt Nam ngày xưa nếp sống thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*) sống trọn vẹn với cuộc sống (**với thực tại**, cái đang xảy ra) trong tình người và tình người.

2.2 Thực tại là tiêu chuẩn của chân lý.

Như đã trình bày, sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, người nông dân Việt Nam còn đặc biệt đề tâm chiêm nghiệm chu kỳ vận chuyển của mặt trăng và các chòm sao để nhận ra rằng chu kỳ của mặt trăng liên hệ chặt chẽ với thủy triều lên xuống ở ngoài biển cũng như ở sông ngòi. Dần dần họ khám phá ra rằng chu kỳ của mặt trăng và các chòm sao không những ảnh hưởng đến thời tiết mà còn ảnh hưởng tới tâm tư tình cảm và sức khỏe của con người.

Ai ơi ghi nhớ lấy lời,

Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn.

“Trông cơ trời đất” tức là mở rộng tầm mắt và mở rộng tâm lòng quan sát sự biến chuyển xoay vần của trời đất và vạn vật theo lý vận hành của nó mà thích ứng việc làm ăn, sinh hoạt của mình. Có lẽ dân tộc nào rồi cũng ý thức được điều ấy theo kinh nghiệm thực tiễn của mình nhưng người nông dân Việt Nam đã ý thức được điều này rất sớm.

2.3 Tùy cơ ứng biến, thuận lý theo thiên nhiên

Quan sát các loài vật, từ sâu bọ đến thú vật, họ cũng nhận ra rằng mỗi loài có một chu kỳ sinh trưởng riêng biệt. Chẳng hạn như loài ve, khi còn là con sâu chưa có cánh thì nó sống rất lâu dưới đất và chỉ chui lên mặt đất theo một chu kỳ nhất định để lột xác thành ve có cánh kêu suốt mùa hè. Con tằm hoang nhả tơ cuốn kén, biến thành con nhộng rồi thành con ngài (bướm), con ngài cắn đứt tơ của kén để chui ra ngoài. Có quan sát chu kỳ sinh trưởng của con tằm mới biết

được lúc nào cần gỡ tơ ở kén ra để dệt lụa may quần áo. Nếu để con ngài cắn kén chui ra ngoài rồi mới gỡ tơ thì hồng bởi lẽ tơ của kén đã bị đứt hết thì không thể dùng để dệt lụa được:

*Đắc thời, đắc thế thì khôn,
Sa cơ rỗng cũng như giun khác nào.*

Ngoài ra, trong công việc trồng trọt và chăn nuôi, để có đủ thực phẩm sinh sống, tổ tiên chúng ta còn nhận thấy phạm vi việc gì dù lớn hay nhỏ cũng phải làm cho đúng thời (Rỗng), đúng chỗ (Tiên). Chưa đến lúc làm mà làm là thái quá, đến lúc làm mà không hoặc chưa làm là bất cập. Thái quá hay bất cập đều đưa đến thất bại. Gieo mạ, cấy lúa phải đúng thời vụ. Trồng cây phải theo mùa, chọn đất thích hợp thì kết quả mới tốt đẹp.

“Thời” nên nghỉ thì nghỉ, “thời” nên làm thì làm. Nếu động tịnh không trái thời thì hành động mới được sáng tỏ. Có lúc cần hùng mạnh như Rỗng, vững chắc vươn cao như núi, nhưng đôi khi cũng cần phải uyển chuyển, nhu thuận, tế nhị như Tiên, linh động như nước: ở ao thì ngừng, ở sông thì chảy. ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, tạo điều kiện thích nghi với biến hóa và ứng dụng thực tiễn vào đời sống.

Gieo trồng, gặt hái phải đúng thời, đúng chỗ đã giúp cho cha ông chúng ta ý thức được rằng mọi hành động muốn đạt được kết quả tốt phải biết tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người mà làm. *Có thể nói cốt lõi của triết lý sống Tiên-Rỗng là biết “thời”, không chấp mặt Tiên hay mặt Rỗng mà tùy thời, tùy chỗ, tùy việc.... Triết lý sống Việt không phải duy tâm hay duy vật mà bao gồm cả tâm-vật đối lập thống nhất, được biểu tượng bằng thân tổ kép Tiên-Rỗng.*

2.4 Tính chất biến chuyển không ngừng của vạn vật (vô thường).

Nhờ quan sát chu kỳ vận hành của mặt trăng, mặt trời, các chòm sao và chu kỳ tăng trưởng của các loài thảo mộc và thú vật, người nông dân Việt Nam thấu hiểu được lẽ biến hóa và tính chất luôn luôn vận động không ngừng nghỉ của vạn vật. Có lẽ nhờ hiểu được lẽ vô thường này nên những người Việt Nam thích chạy theo chữ nghĩa khi tiếp xúc với lý thuyết đạo Phật, họ đã tiếp nhận tôn giáo này một cách dễ dàng như đón nhận một người bạn xưa. Họ đã bỏ thực tại (nếp sống thực) chạy theo chữ nghĩa.

Nhờ thấu hiểu được lý vận hành của vũ trụ, lẽ tuần hoàn của vạn vật, người Việt ý thức được sự cần thiết phải sống theo nhịp chung của vạn vật thiên nhiên (*trông cơ trời đất*); phát hiện và ứng dụng được những biến dịch tương quang giữa thể và dụng của vạn hữu (*liệu thời làm ăn*), xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống, tạo dựng đời sống âm no hạnh phúc trong xóm làng.

2.5 Thuận theo tự nhiên.

Nông dân Việt Nam không quan tâm đi tìm nguyên nhân đầu tiên. Với đầu óc thực tế của người nông dân và với kinh nghiệm sống trong việc thuần hóa các loài cây nông nghiệp cũng như thuần dưỡng các loài thú vật, họ ý thức được rằng cứ để mọi sự, mọi việc diễn biến theo sự vận hành tự nhiên của nó và ứng xử theo quy luật của từng loài, đừng đem tư dục, tư niệm cùng trí óc hạn hẹp và phiến diện của con người mà can dự vào thì mọi chuyện sẽ diễn tiến tốt đẹp.

*“Con mèo, con chó có lông.
Cây tre có mắt, nồi đồng có quai.”*

hoặc:

“ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy.”

Lẽ sống thuận lý theo thiên nhiên đó được người dân Việt diễn tả một cách thực tế, dễ hiểu nhưng vô cùng sâu sắc:

“ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.”

2.6 Lý vận hành âm-dương.

Phải chăng từ sự hiểu biết do kinh nghiệm sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước mà tổ tiên chúng ta đã dùng cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long rồi thần hóa thành “thần tổ kép Tiên-Rồng” để gói ghém một cách tài tình “lý vận hành Âm (Tiên) Dương (Rồng)” mà nông dân Việt, đã phát hiện ra được trong khi quan sát chu kỳ sinh trưởng của thảo mộc, súc vật và những hiện tượng trong vũ trụ.

“Lý vận hành âm-dương” đã được tiên nhân Việt cụ thể hóa một cách sinh động. Cha là Nam (dương), mẹ là Nữ (âm). Cả hai nam-nữ kết hợp để có sinh hóa. Yếu tố dương ở đây lại được thăng hoa bằng biểu tượng Rồng và yếu tố âm cũng được thăng hoa bằng biểu tượng Tiên. Điều này cho thấy cha ông chúng ta đã ý thức rất sớm hai yếu tố tuy đối lập như nam và nữ nhưng khi quyết định lập gia đình với nhau thì không phải chỉ là việc hai người chỉ sống chung với nhau, mỗi người đều giữ cách sống cá biệt của mình, mà ngược lại, khi đã có tác động hai chiều rồi, mỗi người tự biến đổi: mẹ thăng hoa thành Tiên, cha thăng hoa thành Rồng để kết hợp hài hòa trong thân tổ kép Tiên Rồng. Chấp nhận dị biệt trong cõi mở bao dung để cùng nhau chung sống hài hòa dưới một mái ấm gia đình. Nói cách khác, hai yếu tố đối lập tác động với nhau tạo thành một kết hợp hài hòa để phát sinh ra yếu tố thứ ba là hạnh phúc, con cái..., như điện âm và điện dương tác động với nhau phát sinh ra ánh sáng.

Điểm độc đáo đầy sáng tạo của cha ông chúng ta ở chỗ dùng thần tổ kép Tiên-Rồng với ẩn ý nhấn nhủ hậu duệ phải lưu tâm dung hòa những yếu tố đối lập trong cuộc sống giữa con người với con người, trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Điều này cho thấy tiên nhân Việt đã ý thức rất sớm liên hệ giữa người với người là liên hệ hài hòa: hài hòa giữa vợ chồng, hài hòa giữa thân tâm, già-trẻ, bảo thủ-cấp tiến, chủ-thợ, hài hòa giữa nhân dân và chính quyền...,v.v....

Tiên trong yếu tố mẹ (âm) tượng trưng cho tính chất thanh thoát, tao nhã, trong sáng, nhân ái, diễm kiều, tinh anh, uyển chuyển, siêu việt. Rồng trong yếu tố cha (dương) tượng trưng cho tính chất vĩ đại, rực rỡ, hùng mạnh, tung hoành, linh động và biến hóa. Sự kết hợp Tiên với Rồng trong thân tổ kép đã nói lên được ý tổng hợp giữa sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất (Tiên-Rồng). Điều này đã được thể hiện nhiều lần trong suốt giòng sống sử của dân tộc. Khi phải đối phó với kẻ địch hùng mạnh và hung hãn như Hán tộc, hoặc phải đương đầu với một hoàn cảnh khắc nghiệt, bất trắc liên quan đến sự tồn vong của dân tộc, người Việt đã biết huy động cả sức mạnh vật chất lẫn tinh thần, tạo thành sức mạnh tổng hợp khả dĩ đẩy lui được quân xâm lăng hoặc khắc phục được mọi hoàn cảnh khó khăn.

Sức mạnh tổng hợp vô địch đó đã được thể hiện trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng khi đánh đuổi quân Hán, chiếm được 65 thành trì trong một thời gian kỷ lục, trong cuộc chiến thắng lẫy lừng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, trong cuộc khởi nghĩa thắng lợi giành lại quyền tự chủ của Lê Lợi, trong cuộc chiến thắng thần tốc của Nguyễn Huệ tại Đống Đa khi đánh đuổi quân nhà Thanh. Hội Nghị Diên Hồng dưới đời nhà Trần đã tạo được sức mạnh tổng hợp tinh thần và vật chất (Tiên và Rồng) vĩ đại để dân Việt ba lần chiến thắng quân Mông Cổ, đạo quân hùng mạnh tưởng chừng như vô địch từ Á sang Âu vào thời bấy giờ.

Chúng ta có thể khẳng định mà không sợ vọng ngôn rằng trong suốt lịch sử dài lâu của dân tộc, Tổ Tiên ta đã thể hiện được tư tưởng Tiên Rồng tức lý vận hành âm dương. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống ngoại xâm từ phương Bắc, dân tộc ta đã thực sự áp dụng một cách phong phú và sáng tạo tư tưởng Tiên Rồng. Để chống lại quân xâm lược từ phương Bắc, dân tộc ta đã biểu dương sức mạnh vũ bão của Rồng, đồng thời biết vận dụng sức mạnh tổng hợp tinh thần và vật chất (Tiên + Rồng) hầu đẩy lui quân xâm lăng đoạt lại giang sơn. Nhưng ngay khi đã quét sạch quân xâm lăng, dân tộc ta đã biết tự kiềm chế lui về dùng ngoại giao của người trí bằng cách triều cống một ít báu vật và xưng thần để không làm cho quân thù mất mặt, không dồn họ

vào chân tường hầu tránh cảnh tức nước vỡ bờ. Đó là cái thanh cao tươi mát của Tiên được thể hiện qua ngoại giao để trở về tình trạng nhu hoà trong đó ta có thể cùng sống với người, phù hợp với triết lý sống Tiên Rồng tức lý đối lập thống nhất (vật tổ kép Tiên Rồng). Đó là tư tưởng chỉ đạo chính sách ngoại giao của dân tộc suốt chiều dài của lịch sử đối với nước láng giềng không lồ phương Bắc với một dân số đông gấp trăm lần và với những nhà cai trị đầy tham vọng. Dù chiến thắng vẻ vang (thể hiện cái uy dũng kiên cường bất khuất của Rồng) trên các chiến trường Bạch Đằng, Hàm Tử, Chương Dương, Chi Lăng, Đống Đa v.v.... Nhưng sau những chiến thắng oai hùng đó, các nhà lãnh đạo đất nước chủ động cầu hòa, chịu triều cống, xưng thần, thể hiện sự khôn ngoan uyển chuyển, nhân nhượng của Tiên để không dòn dích vào chân tường hầu đem lại an vui thái bình cho toàn dân, để cùng sống với người, đồng thời cũng nhắc nhở kẻ địch đừng quên cái bài học quý báu vừa qua. Chịu triều cống, xưng thần, nhưng lúc nào cũng cương quyết chống lại ý đồ xâm lăng đô hộ của kẻ địch, để bảo vệ chủ quyền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của non sông đất nước và nhất là bảo vệ đặc tính văn hoá riêng của dân tộc. Trong trường hợp quân xâm lăng quá mạnh, người dân Việt nhẫn nại, tiếm phục, ẩn tàng như Rồng, ẩn thân để bảo vệ bản sắc dân tộc, tránh khỏi bị đồng hoá, chờ cơ hội thuận lợi vùng lên đánh đuổi quân thù khôi phục lại giang sơn.

Kinh nghiệm sống trong nghề nông như gieo hạt phải đúng lúc, cấy lúa phải đúng thời vụ để gặt hái kết quả tốt đẹp, đã giúp cho tổ tiên chúng ta biết vận dụng thời cơ trong mọi lãnh vực.

*“Đắc thời đắc thế thì khôn,
Sa cơ Rồng cũng như giun khác nào.”*

Nếu biết thời, rõ thế thì:

*“Nước lũ mà vã nên hồ,
Tay không dựng nổi cơ đồ mới ngoan.”*

Kinh nghiệm sống qua sự cảm nhận Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất trong hàng ngàn năm đã cô đọng, trở thành đạo sống của dân tộc Việt Nam và được chuyển tải qua kho tàng tâm thức của dân tộc (huyền thoại ca dao tục ngữ), được gói ghém một cách tài tình trong thần tổ kép Tiên-Rồng. Nếp sống (đạo sống) mang tính nhân bản và hiện thực, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, và cùng tiến, **sống tương giao tròn đầy, nghĩa là chấp nhận dị biệt với tâm lòng cởi mở, bao dung (hòa cả làng); sống cho hào hùng trong tình người thấm thiết (thương người như thể thương thân), đồng thời sống cho thanh thoát siêu việt.** Khi tiến ra để cứu nước thì dũng cảm, oai hùng, linh động, biến hóa như Rồng, không quân địch nào cản nổi. Khi nhiệm vụ cứu nước, giúp dân đã hoàn thành thì, như Thánh Tản Viên, lui về sống ẩn dật trên non cao, tiêu dao cùng ngày tháng, không màng đến phú quý lợi danh:

*Sông Lô một giải trắng ngàn,
Thánh thơ ta rũ bụi trần cũng nên.*

hoặc:

*Xem trên trăng bạc, trời hồng,
Đạo miền sơn thủy, bẻ bông thái bình.*

Đó là tinh thần: **“có việc thì đến, hết việc thì đi”** của đạo sống Việt được gói ghém trong truyện Thánh Tản Viên, truyện Phù Đổng Thiên Vương...,v.v....

Tổ tiên chúng ta đã phối hợp một cách tài tình và sáng tạo những đặc tính của Tiên và Rồng đến mức độ tinh vi và hiện thực nhất khiến cho đời sống của dân tộc thấm thiết tình người trong những giai đoạn vẻ vang oai hùng nhất cũng như trong những giai đoạn bi thảm đắng cay nhất

của dân tộc, giữ vững được giềng mối của tình dân tộc nghĩa đồng bào vượt qua gian lao thử thách.

Trong cuộc chiến đấu trường kỳ chống quân xâm lược từ phương Bắc, dân tộc ta thực sự áp dụng một cách phong phú đầy tinh thần sáng tạo triết lý sống Tiên-Rồng. Để chống chọi với địch quân đông gấp cả trăm lần từ phương Bắc tràn tới, dân tộc ta đã sử dụng sức mạnh vũ bão của Rồng để chiến thắng, đẩy lui quân địch, giữ vững cõi bờ. Nhưng ngay sau khi chiến thắng quân thù, dân tộc ta lại biết tự kiềm chế, không thừa thắng xông lên mà lại lui về dùng ngoại giao để không làm cho quân thù mất mặt, không dồn quân địch vào chân tường hầu tránh cảnh tức nước vỡ bờ; tinh thần thắng không kiêu, bại không nản sẽ giữ vững được lòng người. Đó là điểm thanh cao, tươi mát, uyển chuyển, hiền dịu của Tiên được thể hiện qua phương sách ngoại giao, trở lại tình trạng nhu hòa mà trong đó ta có thể cùng sống với người.

Trong trường hợp quân thù quá mạnh, dân Việt biết nhẫn nại, ẩn tàng như Rồng còn ẩn phục dưới biển sâu, chưa thể làm giông bão biến hóa được mà phải đợi thời vì “*đắc thời đắc thế thì khôn*” mà “*sa cơ rồng cũng như giun khác nào*”. Khi thời cơ đến sẽ vùng dậy, dũng mãnh tung hoành để đánh đuổi quân xâm lăng.

Tóm lại, qua thần tổ kép Tiên-Rồng, cha ông chúng ta muốn lưu ý con cháu cần phải tùy thời, tùy chỗ, tùy cơ ứng biến, lúc ẩn lúc hiện, khi cương thì tung hoành như Rồng, lúc nhu thì uyển chuyển nhu thuận như Tiên, nhưng lúc nào cũng phải lấy con người làm nền tảng cho mọi sinh hoạt và cố gắng xây dựng tình người ngày càng phong phú và trong sáng để mang lại an vui hạnh phúc cho mọi người.

2.7 Lý đối lập thống nhất.

Tiến sâu hơn nữa vào ý nghĩa siêu việt của thần tổ kép Tiên-Rồng, chúng ta thấy trong đó còn gói ghém lý đối lập thống nhất bao gồm lý tác động hai chiều trong vũ trụ vạn vật cũng như trong những hiện tượng vật lý và tâm lý.

Khi kết hợp hai yếu tố đối lập trong thần tổ kép Tiên-Rồng, cha ông chúng ta đã thể hiện ý niệm đưa nhị nguyên (Tiên và Rồng) vào nhất nguyên (thần tổ kép Tiên-Rồng) tức là biến trạng thái phân biệt thành trạng thái vô phân biệt. Nhưng với óc thực tế và tâm hồn phóng khoáng của nông dân, người Việt không đúc kết sự hiểu biết đó thành một hệ thống chỉ dành riêng cho những thánh nhân. Họ không lý giải phức tạp, không đúc kết thành một hệ thống triết học khó hiểu. Họ vượt thoát nhị nguyên, vượt thoát những mâu thuẫn nghịch lý của đời sống một cách cụ thể và đơn giản với một tinh thần thực tiễn: *thích nghi và tương nhượng*. Thích nghi hoàn toàn với mọi hoàn cảnh sống “*ở bầu thì tròn, ở ống thì dài,*” để không tổn hại đến mình và người, để khỏi lạc lõng ra ngoài cuộc sống chung của gia đình và xã hội: tùy thời, tùy chỗ, tùy việc tùy người mà ứng xử một cách linh động và hòa mình vào cuộc sống. Tương nhượng, *coi nhau như bát nước đầy là hơn*, điều hòa cuộc sống, tạo sự gắn bó hòa thuận để hóa giải mọi mâu thuẫn, đối lập hầu cùng nhau hội nhập chung sống hài hòa:

*Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn,
Thuận bè thuận bạn, mới đóng nổi ghe to.*

Ở đâu có tương nhượng thì ở đó có tương giao tròn đầy. Ở đâu có tương giao tròn đầy thì ở đó tình thương phát triển. Đó là điều kiện cần và đủ để con người vượt thoát đối lập hầu có cuộc sống hài hòa và trong đó tình thương nảy nở, phát triển một cách hồn nhiên trong sáng. *Những hiểu biết trên được rút ra từ cuộc sống thực tế trong nền văn hóa nông nghiệp. Nông dân Việt không hề học hỏi những điều này từ bất cứ một vị thần linh nào hay từ một bộ kinh điển nào. Chính cây lúa nước, nói cách khác, chính nếp sống nông nghiệp con người luôn tiếp cận với thiên nhiên nên họ đã cảm nhận và chuyển dịch được Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất vào dòng*

sống của dân tộc. Chính cây lúa đã tạo điều kiện thuận lợi xây dựng nếp sống tương nhượng hài hòa, hợp tác đồng lao, tương thân tương trợ. Hài hòa là tinh thần cao độ của một tập thể con người biết chấp nhận dị biệt, tương nhượng, thích nghi, chung sống, không bóc lột nhau, “công bằng là đạo người ta ở đời”, khước từ bạo lực “*khôn chẳng qua lỗ, khỏe chẳng qua lời*”; hài hòa: *hòa cả làng.*

Chín bỏ làm mười.

Coi nhau như bát nước đầy.

Mặt khác, âm-dương (Tiên-Rông), đực-cái, trai-gái, cha-mẹ được chuyển sang nghĩa sáng-tối, nóng-lạnh, đêm-ngày, mặt trời-mặt trăng, ngắn-dài, yếu-mạnh, mềm-cứng, trên-dưới, đong-mở, đục-trong, xấu-tốt, thịnh-suy, hư-thực, phúc-họa, tinh thần-vật chất, hạnh phúc-đau khổ, cộng-trừ, chẵn-lẻ, động-tĩnh, sống-chết, trời-đất...,v.v.... *Hai mặt này tuy đối lập nhưng xoắn xít lấy nhau không bao giờ rời. Đó là hai mặt của một vấn đề hết như mặt trái và mặt phải của một bàn tay.*

Âm-dương tuy khác nhau và tương khắc nhưng không chống đối để tiêu diệt nhau. Trái lại, chúng tương giao, tương hợp, tương hòa, tương dung và bổ túc cho nhau để tạo thành lẽ sinh sinh hóa hóa của trời đất, vũ trụ vạn vật với thiên hình vạn trạng, thiên biến vạn hóa. Nhờ âm-dương, trai-gái, đực-cái giao nhau mà loài người và vạn vật sinh sôi nảy nở đến vô cùng tận.

Mọi vật, mọi hiện tượng, mọi trạng thái, tất cả đều có hai mặt và chỉ có thể biết được bằng sự tương phản với mặt kia. Không có dài tự nhiên không có ngắn, vì ngắn dài cùng sinh ra nhau. Sở dĩ biết “dễ” là nhờ so sánh với “khó”. Ngày đêm, buồn vui, hạnh phúc đau khổ cũng thế. Tuy chúng đối lập, âm dương, trong ngoài, nam nữ...,v.v.... ***Không có bất cứ điều nào vừa nêu trên có thể trọn vẹn nếu không có điều kia hợp lại với nhau để tạo nên sự hài hòa “đối lập thống nhất”.*** Ngày và đêm hợp lại nên một ngày trọn vẹn, lòng bàn tay và lưng bàn tay hợp lại thành một bàn tay tròn vẹn để mọi thao tác hữu hiệu. Khoa vật lý cho thấy tất cả sự vật đều được tạo bởi sự kết hợp quân bình của lực điện âm và dương. Vật chất sẽ tan rã hoặc tan biến nếu hai loại lực điện đó không kết hợp bền vững và toàn hảo. Mỗi giọt máu lành mạnh của chúng ta bao gồm hồng huyết cầu và bạch huyết cầu. Chính sự kết hợp quân bình của chúng mà chúng ta được khỏe mạnh. Nếu sự kết hợp đó không bền vững hoặc mất quân bình, chúng ta sẽ bị bệnh hoạn.

Người Nam chẳng trọn vẹn nếu không có người Nữ, cả hai - Nam và Nữ - tuy đối lập nhưng phải kết hợp, kết hôn chung sức với nhau xây dựng nên mái gia đình êm ấm hòa hợp. Nếu sự kết hợp này bị trục trặc thì gia đình sẽ đổ vỡ, con cái sẽ bất hạnh. Cuộc sống không thể nào chỉ có nam mà không có nữ, không thể nào chỉ có ta mà không có người, chỉ có chủ mà không có thợ, v.v.... Cho nên tổ tiên ta đã dạy: “*Rằng trong lẽ phải có người có ta*”. Nói cách khác là phải biết chấp nhận dị biệt mới tạo được mối hài hòa giữa người với người, và không có gì tuyệt đối, trong phúc (tốt) có họa (xấu), trong họa có phúc, trong ta có người, trong người có ta. Chính sự đối lập hai mặt của một thực tại là chất tố xúc tác của tác động hai chiều để thể hiện lý đối lập thống nhất. Đó là điều kiện cần và đủ để thăng hoa con người và cuộc sống.

Bất cứ ai - người Việt Nam chúng ta nói riêng, con người ở bất cứ quốc gia nào nói chung - đều có thể vận dụng, khai triển nguyên lý đối lập thống nhất vào cuộc sống hiện tại, hoặc hoạch định hướng tiến cho tương lai thể hiện triết lý sống hài hòa (Tiên-Rông) trên nền tảng của trí tuệ và tình thương: một triết lý sống vừa thực tế vừa thanh thoát và rất người.

Như vậy, có thể hiểu rằng *cha ông chúng ta dùng thần tổ kép Tiên-Rông làm biểu tượng cho lý đối lập thống nhất: tư tưởng chủ đạo của triết lý sống Việt.*

2.8 Lý duyên khởi.

Trong khi quan sát thảo mộc để tìm cách thuần dưỡng những loại cây canh nông nói chung, cây lúa nước nói riêng, cha ông chúng ta còn khám phá ra rằng vạn vật nói chung và cây cỏ nói riêng cần có những điều kiện thuận lợi mới nảy nở và phát triển tốt tươi được. Và khi gặp những môi trường bất lợi thì chúng bị thui chột hoặc bị tiêu diệt. Chẳng hạn hạt lúa không thể nảy mầm thành cây lúa tốt nếu không có độ ẩm và nhiệt độ thích hợp. Có thể nói độ ẩm và nhiệt độ thích hợp là duyên hòa hợp mà hạt lúa là cái nhân. Nhân-duyên hợp lại thì mới có cây lúa. Khi hạt lúa đang nảy mầm mà chẳng may tiết trời trở lạnh, độ ẩm kém đi, nhiệt độ giảm xuống nhiều thì mầm lúa sẽ bị chết vì các duyên hòa hợp không còn nữa. Tóm lại, chúng ta có thể nói: *có cái này thì mới có cái kia, không có cái này thì không có cái kia; do sự hiện hữu của cái này thì cái kia mới có mặt; do cái này sinh thì cái kia mới sinh, do cái này bị diệt thì cái kia sẽ bị diệt*. Người nông dân Việt Nam vận dụng lý duyên khởi vào cuộc sống một cách cụ thể và thiết thực vì họ thấu hiểu được lý vận hành âm dương và đã áp dụng lý vận hành âm dương vào cuộc sống qua những câu ngắn gọn cụ thể dễ hiểu: *nước – phân – cần – giống, còn da lông mọc, còn chôi lên cây*. Nói cách khác, mọi sự vật nương nhau mà xuất hiện, tồn tại và phát triển, cái này là điều kiện thuận lợi cho cái kia và ngược lại, chúng sẽ tan rã khi điều kiện bất thuận lợi xuất hiện.

2.9 Lý quân bình động.

Âm và dương là hai mặt của một thực tại, không có âm hoặc dương thì không có gì cả. Âm-dương là nguồn gốc của vũ trụ, vạn vật. Mất âm hoặc dương thì vạn vật muôn loài, vũ trụ sẽ lập tức bị hủy diệt. Ngoài ra, âm và dương còn cần phải quân bình. Nếu âm-dương (Tiên-Rồng) mất quân bình, tai hại sẽ xảy đến; với loài người thì sinh ra bệnh tật; ở xã hội thì đạo đức suy đồi, tội ác gia tăng; ở thiên nhiên thì bão lụt, động đất, hạn hán..., v.v.... Thế quân bình giữa âm (Tiên) và dương (Rồng), giữa hai mặt của một vấn đề nói trên được thiết lập có tính cách tương đối, linh động, đồng thời biến dịch không ngừng nghỉ.

2.10 Lý tương đối.

Vì vậy trong cuộc sống cần giữ thế quân bình hài hòa trong mọi lãnh vực, mọi sự việc. Có quân bình mới có sức khỏe thể xác và tinh thần mới thoải mái. Mất quân bình về mặt tâm lý cũng là điều không tốt: vui quá hại tim, buồn lo quá hại phổi, sợ hãi quá sẽ suy thận..., v.v....

Âm-dương (Tiên-Rồng) chẳng những xoắn lầy nhau mà trong âm có dương và trong dương có âm. Thần tổ kếp Tiên-Rồng được tổ tiên Việt dùng để nói lên thực trạng trong dương có âm và trong âm có dương này. Tướng và dụng của Rồng là dương nhưng thể của Rồng là âm (sống ở dưới nước, tiềm phục...), trong khi tướng và dụng của Tiên là âm nhưng thể lại là dương (ở trên núi, tươi sáng...). Từ kinh nghiệm sống đó, tổ tiên chúng ta đã thấu triệt được lý “trong phúc có họa, trong họa có phúc”, trong cái biến có cái bất biến, trong động có tĩnh và ngược lại. Không có gì hoàn toàn tốt hoặc hoàn toàn xấu vì trong tốt có xấu, trong xấu có tốt. Hiểu được lý này thì chúng ta không quá lạc quan mà cũng chẳng quá bi quan trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng tin tưởng ở mình, ở đôi bàn tay và khối óc và ở kinh nghiệm sống...; do đó giữ được tinh thần thanh thản trong mọi tình huống, tức sống an nhiên tự tại với hiện tiền

2.11 Lý thăng hoa theo vòng xoắn ốc.

Nhờ kinh nghiệm sống lâu đời trong môi trường văn hóa nông nghiệp, người dân Việt đã khám phá và tin tưởng vào lẽ biến hóa của âm-dương và nhịp tuần hoàn của mọi sự vật, nhất là thời tiết trong năm: Xuân nảy nở, Hạ phát triển, Thu rút về, Đông cô đọng lại để rồi sang Xuân lại nảy nở theo vòng thời tiết. Tuy nhiên, chẳng mùa xuân nào giống mùa xuân nào. Xuân, Hạ, Thu, Đông theo nhau tiếp nối nhưng không phải theo một vòng tròn đơn mà theo vòng xoắn ốc. Trong một xã hội định cư định canh, nông dân Việt phải theo dõi và quan sát sự sinh trưởng của các loài thảo mộc nên đã ý thức được rất sớm quy luật này. Khi quan sát cây đang tăng trưởng,

họ nghiệm thấy rằng 5 lá đầu tiên mọc theo đường xoắn ốc. Nếu từ 5 lá đầu ta gióng 5 đường thẳng xuống gốc cây, ta sẽ thấy 5 lá này nằm trên 5 đỉnh của một hình ngũ giác gần đều cạnh, và lá thứ 6 sẽ mọc trên lá thứ nhất, lá thứ 7 trên lá thứ 2, lá thứ 8 trên lá thứ 3... Mỗi nhóm 5 lá cần 2 vòng xoắn ốc nên nếu có 10 lá thì cần 4 vòng. Những cây thuộc loại này thì hoa thường có 5 cánh và trái có 5 múi.

Người Việt thấu hiểu vạn vật luôn chuyển động, biến đổi theo lý vận hành âm-dương và tiến hóa theo vòng xoắn ốc chứ không phải theo đường thẳng như quan niệm của dân du mục Hán tộc và của Tây Phương hoặc theo vòng tròn kiểu con rắn cắn đuôi của văn hóa Ấn Độ. Sự thực, vòng tiến hóa không phải chỉ là vòng xoắn ốc đơn thuần mà là vòng xoắn ốc phối hợp với một đường thẳng hay đường trục. Chính vì vậy, dân tộc Việt tin tưởng triệt để vào sự thăng hoa của vạn vật, trong đó có con người. Cũng chính vì thế tiền nhân Việt đã chọn Tiên-Rồng làm thần tổ kép để nói lên lý vận hành và thăng hoa. Trong vòng xoắn ốc của sự tiến hóa, vòng trên tuy đồng dạng với vòng dưới nhưng lớn hơn và đẹp hơn, nghĩa là có tính cách hướng thượng và thăng hoa.

2.12 Con người tương thông với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ.

Nhờ khám phá ra vòng xoắn ốc là vòng tiến hóa của vũ trụ vạn vật, cha ông chúng ta đặt tin tưởng vào sự thăng hoa của muôn loài, nhất là loài người. Với óc thực tiễn, với lý tương đối và quan niệm con người là trung tâm của mọi sinh hoạt, họ không đi vào lãnh vực siêu hình và cũng tránh tôn giáo cực đoan: *rằng trong lẽ phải có người có ta*. Họ chỉ tạo điều kiện thuận lợi để con người có được nếp sống hài hòa: hài hòa giữa thân và tâm, hài hòa giữa người với người, hài hòa giữa người với thiên nhiên. Hài hòa là bước đầu để con người bước vào tiến trình thăng hoa, thăng hoa như Tiên-Rồng, như nước bốc hơi, từng bước, từng bước thăng hoa, thăng hoa với định hướng tâm con người hòa với tâm vũ trụ.

Ngoài lãnh vực nhân sinh và đạo học, người Việt còn áp dụng sự hiểu biết về vòng xoắn tròn ốc vào kiến trúc quốc phòng để bảo vệ tổ quốc. Thành Cổ Loa xây theo vòng xoắn tròn ốc vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch đã chứng tỏ tài năng sáng tạo của dân Việt. Trong thời đại này, Hán tộc cũng như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều xây thành trì hình vuông hoặc hình chữ nhật, chỉ có dân Việt xây thành theo hình xoắn tròn ốc. Các nhà nghiên cứu quân sự đều đồng ý rằng thành Cổ Loa là một công trình kiến trúc quân sự kiệt tác vì:

- Bất kể địch quân xuất hiện từ phía nào, quân phòng thủ cũng đều trông thấy địch một cách dễ dàng để kịp thời ngăn chặn và đẩy lui.
- Trong việc phòng thủ có thể phối hợp bộ binh và thủy quân một cách linh động và chặt chẽ. Vị trí xây thành Cổ Loa với 3 vòng hào sâu ăn thông với sông Hoàng Giang, sông Hồng và sông Cầu có thể phối hợp thủy quân và lục quân trong việc phòng thủ. Việc xây thành Cổ Loa theo vị trí kể trên chứng tỏ dân Việt đã nắm vững lý đôi lập thống nhất. Thủy quân và lục quân vốn là hai thứ quân dị biệt, không thể cùng hoạt động trên một chiến tuyến, một trận địa. Lục quân không thể tác chiến trên sông hay trên biển và chiến thuyền của thủy quân cũng không thể dùng trên đất liền. Nhờ cách kiến trúc đặc biệt và vị trí thuận lợi, thành Cổ Loa có thể dùng hào làm sông và các gò cao làm lũy, do đó tướng chỉ huy có thể phối hợp thủy và lục quân, tạo thành một sức mạnh tổng hợp để đẩy lui quân địch và bảo vệ thành trì.

Chiến thuyền có thể được sử dụng khắp ba vòng hào sâu để phối hợp tác chiến với bộ binh phòng thủ thành và từ ba vòng hào này, chiến thuyền có thể tỏa ra sông Hoàng Giang, ngược giòng sông Hồng, xuôi ra sông Cầu để ra đến biển. Quân địch muốn tấn công thành Cổ Loa phải dùng thuyền, nghĩa là phải dùng thủy quân với bộ binh yểm trợ thì thuyền mới vào sát được chân thành, nhưng đến khi trực tiếp tấn công thành thì lục quân phải là lực lượng chủ yếu.

Công trình xây thành Cổ Loa theo vòng xoắn tròn ốc còn thể hiện tinh thần dung hợp của dân tộc Việt, vận dụng khả năng chèo thuyền của dân Lạc Việt và khả năng dùng cung nỏ của dân Âu Việt trong việc bảo vệ đất nước.

Tóm lại, thành Cổ Loa, với vị trí và kiến trúc đặc thù là kết quả của sự vận dụng khéo léo tinh hoa tư tưởng Việt: lý đối lập thống nhất. Nói cách khác, cấu trúc xoắn tròn ốc của thành Cổ Loa với ba vòng thành còn biểu tượng Trời-Người-Đất nhất thể, cùng với 18 vọng gác trên mặt thành biểu tượng các “nút biển” của tiến trình thăng hoa, là biểu hiện cái nhìn chân xác và thấu suốt tiến trình thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng tâm con người hòa với tâm với vũ trụ.

2.13 Tinh không chấp - Tinh thần khai phóng

Mặt khác, biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng còn nhắc nhở chúng ta: trong cuộc sống không nên chấp chặt vào một khuôn mẫu hoặc một mặt nào đó của thực tại mà phải tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người, khi cương, lúc nhu, tùy cơ ứng biến.

“Triết lý sống không chấp” đó đã xây dựng cho nông dân Việt tinh thần khai phóng, khả năng dung hóa và Việt hóa. Nhờ thế, dân tộc ta có thể dung hóa và Việt hóa những tinh hoa thích hợp với bản sắc dân tộc của mọi nền văn hóa khác.

Tùy cơ ứng biến, lúc ẩn lúc hiện, khi cương thì tung hoành bất khuất như Rồng, lúc nhu thì uyển chuyển nhu thuận như Tiên nhưng lúc nào cũng lấy con người làm nền tảng cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần; cho nên tính người và tình người ngày càng trong sáng và phong phú hầu đem lại an vui hạnh phúc cho con người.

2.14 Tinh thần nhân bản nhân chủ

2.14.1 Tinh thần nhân bản

Tinh thần nhân bản trong nền văn hóa Việt - văn hóa trồng lúa nước - không phải từ trên trời rơi xuống, hay do một người đấng đạo nào đó hoặc do một hệ thống triết học chỉ dạy cho dân tộc Việt Nam; mà do tình gia đình (*tình mẹ con, cha con, lòng hiếu thảo*) môi trường sống (khí hậu nhiệt đới gió mùa với những đồng bằng phù sa trù phú), cách làm ăn (trồng lúa nước) với nếp sống tương nhượng **quần cư** hài hòa trong xóm làng, sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình, **đã tôi luyện hun đúc nên**.

Sống với nghề trồng lúa nước ổn định lâu đời, ông cha ta sớm ý thức **vai trò của con người vô cùng quan trọng** chẳng những vì nhu cầu điều hợp qua sự vận dụng trí thức thực nghiệm mà còn vì sự đóng góp công sức lao động trong tiến trình canh tác phức tạp của nghề trồng lúa nước.

Thực tế cho thấy dù đất đai màu mỡ, dù mưa thuận gió hòa rất thích hợp cho việc cày bừa, gieo trồng, nhưng **không có con người thì việc trồng trọt, cày cấy không thể thực hiện được**. Tất cả quy về người, rồi từ người mà ra mọi việc, mọi sự, mọi hoạt động, mọi suy nghĩ và v.v.... **Không có con người thì không có gì cả**, không có văn hóa, kinh tế, chính trị, đạo đức, tôn giáo v.v.... Không có con người, vũ trụ có đó, nhưng có cũng như không, không có ý nghĩa gì cả.

Thần thánh là **con người** thăng hoa vì đã có những hành động hoặc thành tích giúp dân, cứu nước, được người dân **vinh danh thành thần**, nhân thần (Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Thần Thành Hoàng, v.v...).

Khi cha ông chúng ta thần hóa Âu Cơ và Lạc Long Quân làm cha mẹ chung của dân tộc qua biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng để tôn thờ đã đặt con cháu mình vào con đường nhân bản và nhân chủ.

Người tôn thờ người, thờ nhân tính. Còn gì nhân bản cho bằng!

Trong nền văn hóa Hy Lạp, con người do các thần quái ác, nhiều đầu, lắm tay sinh ra.

Trong nền văn hóa Babylon, thần Marduk lấy đất sét nhào trộn với máu mình để tạo dựng nên con người nhằm phục vụ cho các thần linh.

Trong nền văn hóa cổ Ấn Độ, con người cũng do thần sinh ra.

Trong nền văn hóa Đông Nam Á, sấu bọt trên mình ông Bàn Cổ hóa thành người.

Trong khi đó, văn hóa Việt quan niệm người Việt do chính con người, Áu Cơ và Lạc Long Quân, sinh ra để phục vụ con người. Còn gì nhân bản và nhân chủ cho bằng!

Tất cả đều quy về người rồi từ con người mà thành mọi việc. Tâm hồn nông dân Việt Nam có thể tóm gọn vào hai chữ “**tinh người**”.

2.14.2 **Tinh thần nhân chủ**

Thực tế cho thấy nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, và kỹ thuật trông lúa nước đã rèn luyện hun đúc cho nông dân trông lúa nước tinh thần nhân chủ. Muôn thu hoạch được kết quả tốt đẹp trong việc trông trọt, trông lúa nước, nông dân phải **chủ động** quan sát các hiện tượng thiên nhiên:

*Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời trong bể lặng mới yên tâm lòng...*

Nói ngắn gọn: **trông cơ trời đất liệu thời làm ăn**. Nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên, thời tiết để quyết định xếp đặt công việc trông trọt, làm mùa màng v... v... Nếu mưa to, gió lớn, giông bão nổi lên nông dân không dại gì mà cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa trong những trường hợp đó. Nếu “*trời trong bể lặng*”, nông dân mới yên tâm cày cấy. Người nông dân chủ động trong mọi sinh hoạt của nông vụ.

Từ kinh nghiệm sống đó, dần dần họ ý thức **đời sống con người** - mọi sinh hoạt trong gia đình trên đồng ruộng, ngoài xã hội - vui tươi hay buồn khổ, thương yêu hay hận thù **đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy**, chứ không phải do ý muốn của thần linh hay bất cứ yếu tố nào bên ngoài con người. **Con người tự mình làm chủ chính mình**. Triết học ngày nay gọi là tinh thần nhân chủ.

Trên bình diện tâm lý và xã hội nhân chủ là tinh thần cao độ của một tập thể con người làm chủ tâm tư tình cảm và dục vọng (làm chủ bản thân) chấp nhận dị biệt, tôn trọng con người vì mình, cho mọi người, hài hòa với chính mình, tha nhân và thiên nhiên: hòa cùng vũ trụ. Chỉ có tập thể con người, sống thực, sống trọn vẹn với thực tại (cái đang diễn biến trước mắt) thì mới ý thức **tự chủ** và sáng tạo.

Tinh thần nhân chủ, lấy chính mình làm nơi nương tựa, nghĩa là khởi điểm là tự biết mình: “Trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình.”

Chỉ có con người với trí óc minh mẫn, sáng suốt, với đôi bàn tay xây dựng và tấm lòng rộng mở mới giải quyết được những vấn nạn trong đời sống con người. Thực tế cho thấy chiến tranh hay hòa bình, hạnh phúc hay đau khổ đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy.

2.15 **Nhân tính làm chủ tư duy và hành động**

Biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng cho chúng ta thấy tổ tiên Việt quan niệm rằng con người khi sinh ra đã thụ hưởng cả hai yếu tố nhân tính (Tiên) và thú tính (Rồng). Cả hai là bẩm sinh. Thực tế minh chứng đã là người, ai chẳng có nhân tính như: thương người, vị tha, bao dung... nhưng đồng thời cũng có thú tính như: tham lam, ích kỷ, cố chấp, ganh tị, độc ác....

Trong một xã hội mà phân nhân tính trong con người được thể hiện nhiều thì xã hội ấy được ổn định, an lạc, thái hòa. Ngược lại, nếu phân thù tính trong con người lấn lướt thì xã hội đó sẽ rối loạn, bất an, băng hoại....

Vì thế, không phải người Việt nào khi sinh ra cũng xứng đáng là con Rồng cháu Tiên, xứng đáng là con người trưởng thành đích thực. **Tiên và Rồng là biểu tượng cho tiến trình thăng hoa**: rắn thăng hoa thành Rồng và người thăng hoa thành Tiên. Lịch sử đã minh chứng dân tộc ta có danh tướng Trần Hưng Đạo thì cũng có nghịch thần Trần Ích Tắc, có anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ thì cũng có Lê Chiêu Thống công rắn cắn gà nhà.... Con cái nhà bác học không thể đương nhiên thành nhà bác học. “*Cha làm thầy, con đốt sách*” cũng thường xảy ra trong bất cứ xã hội nào.

Điều trên cho thấy chỉ khi nào con người biết vận dụng hợp tình, hợp lý đời sống tinh thần và vật chất để nhân tính làm chủ tư duy và hành động thì mới xứng đáng là con người trưởng thành đích thực, là con Rồng cháu Tiên. Và qua biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng, cha ông chúng ta muốn nhắn nhủ con cháu phải biết tạo điều kiện thuận lợi để thăng hoa cuộc sống và con người mà khởi điểm là tự biết mình: “*Trăm hay xoay vào lòng*”.

Tất cả mọi sách vở, kinh điển, lời khuyên dạy của thánh hiền hoặc phê bình chỉ trích đều trở nên vô ích nếu chính mình không tự ý thức được những thiếu sót, thói hư tật xấu của mình. Nói cách khác, chỉ khi nào mình tự nhận thấy và hiểu biết rõ ràng những thói hư tật xấu của mình thì mới có thể chuyển hóa thói hư tật xấu của mình được.

Trong nền minh triết nhân bản Việt Nam, điều quan trọng nhất là phải biết trở về với chính mình chứ không phải cố gắng trở thành cái gì khác hơn là mình. Người trưởng thành không thể thiếu ý thức về mình và sự tương quan giữa mình, người, vạn vật cùng thiên nhiên. Sự hiểu biết thật sự chỉ đến khi con người tự biết mình. Từ cơ sở đó, con người mới bước được vào tiến trình nhân tính làm chủ tư duy và hành động để thăng hoa như Rồng và Tiên (*như nước bốc hơi*) với định hướng con người tương thông với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ.

3. Bọc Trăm Trứng

3.1 Chung nguồn - Bình đẳng - Yêu thương - Đoàn kết

Trên thực tế làm gì có chuyện Âu Cơ sinh ra một cái bọc có trăm trứng rồi nở ra trăm con trai cùng lúc. Trăm con trai đó là dân Việt! Nếu thế thì các người dân trong nước của Lạc Long Quân trước khi Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng là dân tộc nào? Hơn nữa, toàn là con trai thì làm sao truyền giống?

Phải chăng truyện Tiên Âu Cơ kết hôn với Rồng Lạc Long rồi sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm con trai, thực ra chỉ là biểu tượng, một ẩn dụ gói ghém thông điệp của tổ tiên Việt Nam muốn truyền lại cho con cháu? Trăm trứng trong cùng một bọc muốn nhắc nhở dân Việt con người cùng một gốc (cùng một bọc), cùng một nguồn sông là thiên nhiên. Những bộ tộc dù khác chủng tộc nhưng chung sống trong cùng một địa vực hợp nhau lại thành một dân tộc, “một bọc”, coi nhau như cùng nguồn gốc. Từ “đồng bào” trong ý nghĩa chung một bọc, chung gốc, chung nguồn, bình đẳng, yêu thương, đoàn kết keo sơn đã lắng sâu vào tâm hồn người dân Việt. Cha ông chúng ta quả thật tài tình, khéo léo trong việc dùng hình ảnh bọc trăm trứng nở ra trăm con trai và thân hóa Âu Cơ-Lạc Long Quân làm cha mẹ chung của dân tộc để nhắc nhở con cháu nhớ đến cội nguồn mà thương yêu, đùm bọc nhau trong bất cứ hoàn cảnh hoặc tình huống nào:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Cùng sống trên mảnh đất tổ, cùng một bọc sinh ra thì không nên tranh giành, cầu xé lẫn nhau:

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.*

Ông cha chúng ta còn **mở rộng tầm nhìn**: “*bầu ơi! Thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*” (giàn dân tộc, giàn nhân loại).

3.2 Lý âm-dương hợp nhất - Lý đối lập thống nhất

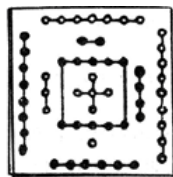
Bọc trăm trứng còn nói lên lý đối lập thống nhất trong thân tổ kép Tiên-Rồng dưới một dạng khác. Cái bọc tượng trưng cho **âm** vì âm bao giờ cũng bảo bọc, che chở, nuôi dưỡng Dương. Trứng nở ra toàn con trai chứ không có gái, biểu tượng cho **Dương**. Hai lẽ âm-dương ràng buộc với nhau trong cái bọc ý muốn nói trong bất cứ vật gì, từ vật cực lớn đến vật cực nhỏ, đều chứa đầy đủ âm-dương. Tất cả mọi sự biến hóa nhỏ lớn nào trên đời đều do hai lẽ âm-dương mà ra. Phải có cả âm lẫn dương mới có biến hóa. Thấu hiểu được lý biến hóa của âm-dương thì hóa giải được mọi việc. Đó là lời nhắn nhủ vô cùng quan trọng của người Việt cổ đã để lại cho hậu thế.

3.3 “Trăm” trong trăm trứng mang ý nghĩa tất cả, toàn thể

Mặt khác, bọc trăm trứng còn có một ý nghĩa sâu sắc hơn nữa. Trong ngôn ngữ Việt, trăm, ngoài ý nghĩa là số 100 thuần túy, còn có nhiều ý nghĩa khác:

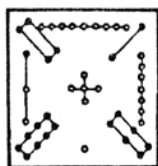
- **Trăm** đi với từ **năm** có nghĩa là **đời người**:
*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau. (Nguyễn Du)*
- **Trăm** ghép với từ **tuổi** lại có nghĩa là **chết, qua đời**, chấm dứt cuộc
đời: *Khi nào cụ tôi trăm tuổi = Khi nào cụ tôi qua đời.*
- **Trăm** còn có nghĩa là **nhieu**: trăm việc
- **Trăm** = tất cả, toàn thể: trăm họ, “*Trăm hoa đua nở mùa xuân, cơ sao cúc lại muện tuần thế kia.*” mùa

Phải chăng chữ **trăm** trong “bọc trăm trứng” mang ý nghĩa tất cả, toàn thể loài người đều cùng một nguồn gốc (âm-dương) sinh ra? Hơn nữa, số 100 là tổng số của các số trong Hà Đồ (55) cộng với tổng số các số trong Lạc Thư (45):



Hà Đồ

Trong Hà Đồ, chấm đen là Âm và chấm trắng là Dương. Tổng số Dương trong Hà Đồ là: $1+3+5+7+9 = 25$. Tổng số Âm trong Hà Đồ là: $2+4+6+8+10 = 30$. Vậy, tổng số các số âm và dương = $30+25 = 55$



Lạc Thư

Trong Lạc Thu, những chấm đen cũng là âm và những chấm trắng cũng là Dương. Tổng số các số Dương: $1+3+5+7+9 = 25$. Tổng số các số âm: $2+4+6+8 = 20$. Vậy, tổng số các số âm và dương trong Lạc Thu $= 20+25 = 45$.

$$55 (\text{Hà Đồ}) + 45 (\text{Lạc Thu}) = 100$$

Như vậy, con số 100 tượng trưng cho tất cả, cho toàn thể vạn vật muôn loài chứ không mang ý nghĩa một trăm con trai thuần túy. Bọc trăm trứng trong truyện Tiên-Rồng ngụ ý toàn thể, tất cả loài người đều cùng chung một bào thai, cùng một nguồn gốc âm-dương (Tiên-Rồng), cùng một nguồn sống là thiên nhiên:

*Bầu ơi! thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Đó là **giàn dân tộc, giàn nhân loại, giàn âm-dương, giàn thiên nhiên**. Điểm tài tình của tổ tiên chúng ta là ở chỗ chỉ cần “một ẩn dụ bọc trăm trứng” mà nói lên được hai ý nghĩa cùng một lượt: nguồn gốc của dân tộc Việt Nam và nguồn gốc của loài người. Điều này cho thấy, với ý nghĩa sâu sắc, bọc trăm trứng biểu tượng tính viên mãn bao trùm của vũ trụ vạn vật, trong đó chứa đựng cốt lõi tri thức của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước.

Tóm lại, hình ảnh kết hợp Rồng-Tiên sinh ra bọc trăm trứng biểu tượng bộ số của Hà Đồ-Lạc Thu, bộ số biểu tượng cho vạn vật muôn loài.

3.4 **Khái niệm về lý hình thành vũ trụ, vật chất**

Sau khi sinh ra một bọc trứng, Âu Cơ mang bỏ bọc trứng ra ngoài đồng nội. Phải chăng “đồng nội” có ý muốn nói đến không gian bao la vô cùng tận và bọc trứng tượng trưng cho chất điểm nguyên thủy tuy nhỏ nhoi nhưng vẫn bao gồm hai yếu tố âm-dương. Trứng nở toàn con trai là Dương, cái bọc là Âm bảo bọc, che chở, nuôi dưỡng trứng đúng bảy ngày sau mỗi trứng nở ra một con trai. Đến đây, chúng ta có thể liên tưởng đến thuyết “vụ nổ lớn” (Big Bang). Phải chăng đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên? Theo thuyết Big Bang thì khoảng 15 tỷ năm trước đây, các khối năng lượng trong vũ trụ bị ép lại dưới một sức mạnh kinh khủng để trở thành một điểm vô cùng nhỏ, nhỏ hơn cả hạt nguyên tử, tạo ra một vụ nổ lớn (Big Bang), bắn những đám mây năng lượng ra khắp vũ trụ. Những đám mây vật chất này chứa đựng các nguyên tử đơn giản như nguyên tử helium, nguyên tử khinh khí.... Vũ trụ vật chất luôn luôn vận động biến đổi không ngừng nghỉ trong không gian và thời gian. Vật chất tồn tại trong không gian và thời gian. Vũ trụ vật chất dù có lớn đến thế nào đi chăng nữa thì vẫn có giới hạn, nhưng trái lại, không gian thì vô hạn. Không gian là một cái gì cực kỳ vĩ đại, không có vật gì ở ngoài không gian được. Vật chất dù nhỏ đến mức nào đi chăng nữa vẫn là một tập hợp gồm những thành phần nhỏ hơn. Khi gặp điều kiện thuận lợi, chúng kết hợp lại mà hình thành một vật. Khi điều kiện thuận lợi mất đi thì vật đó tan rã. Thí dụ: mốc trên trái cây hiện hữu khi nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho một loại vi khuẩn phát triển. Ngay chính loại vi khuẩn đó cũng là một tập hợp như các tế bào của con người. Tóm lại, chúng ta có thể nói, chính không gian sinh ra vật chất, nghĩa là vật chất được tạo thành từ cái trống không của không gian, như các trứng nở ra cùng một lúc giữa đồng nội bao la.

Trong triết học và đạo học, con người nhìn thấy lý hình thành vũ trụ vật chất cũng tương tự như vậy. Chúng ta thử định tâm, đừng nghĩ đến bất kỳ một điều gì, vật gì thì mới thật là “không” (không hoàn toàn không- KHTK). Nhưng khi chúng ta nghĩ đến “không” thì ngay lúc đó không còn là “không” nữa vì cái “có” đã hiện hữu (có cái không).

Để phân biệt với cái “không” hoàn toàn “không” (KHTK) thật sự, người ta gọi KHTK được nghĩ đến là “KHTK cực”:

$$\text{KHTK} + \text{manh nha động} = \text{KHTK cực}$$

(Manh nha động là khởi nghĩ đến một cái gì như nghĩ đến KHTK chẳng hạn.)

Mặt khác, nếu chúng ta vẽ con số không (0) để tượng trưng cho “KHTK cực” thì khi vẽ số 0 xuống giấy, lập tức có ngay một ký hiệu 0. Ký hiệu đó là một (1). Như vậy, khi khởi nghĩ đến “không” là có “một”, nghĩa là “không” và “có” hiện hữu cùng một lúc. Một do “không” mà ra, tức “có” từ “không” mà ra. Nếu gọi 0 là âm và 1 là Dương, chúng ta sẽ đi đến hệ luận: trong thái dương hệ này không có gì thuần âm hay thuần dương. Mọi vật đều có cả âm lẫn dương. Lý âm dương đối lập thống nhất đã được gói ghém trong thân tổ kép Tiên-Rồng.

3.5 Nguồn gốc của sự hiểu biết về âm-dương

Như đã trình bày, lý biến dịch tự nhiên, tức lý âm dương kết hợp và vận hành, và những hệ luận của nó do nông dân Việt đã khám phá ra. Biết rõ điều đó giúp chúng ta hiểu rõ hơn các yếu tố của nền văn hóa Việt Nam, hiểu rõ hơn phong cách và tâm hồn của người Việt Nam. Nhờ thấu hiểu lý biến dịch tự nhiên đó, người nông dân Việt đã xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên (trông cơ trời đất liệu thời làm ăn) “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” và cùng tiến, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nang dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*, và nên tâm học dân tộc: *Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ*.

4. Trăm Trứng Nở Cùng Một Lúc

4.1 Tình thương vô phân biệt

“*Nở ra cùng một lúc...*” nói lên tình thương không phân biệt vì lẽ sinh ra từ một bọc nên thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Chúng ta đều biết anh em ruột thịt thường cũng khó thương yêu nhau đồng đều. Anh chị thường yêu thương, chăm sóc cho em nhiều hơn là em lo lắng cho anh chị. Do đó, việc dùng hình ảnh nở ra cùng một lúc (mọi người sinh ra đều bình đẳng) còn để nhấn mạnh đến sự đồng nhất, không phân biệt ngay trong cả tình thương.

Vì môi trường sống nên tiên nhân Việt Nam đã ý thức rất sớm yếu tố quan trọng nhất để xây dựng được một xã hội tự do bình đẳng là yếu tố tình thương. Ở đâu có tình thương là ở đó có hài hòa. Tình thương chính là lẽ sống của con người. Có thể nói tình thương là hơi thở của vạn hữu. Không có tình thương thì không có con người, không thể quan niệm con người ngoài tình thương. Suốt cuộc đời truyền giáo, Đức Phật kêu gọi từ bi, Đức Chúa hô hào bác ái, Đức Khổng đặt tất cả nền tảng căn bản của đạo Nho trên chữ Nhân. Từ bi, bác ái, nhân ái có nghĩa nông sâu, rộng hẹp khác nhau nhưng đại thể cả ba đều là danh xưng khác nhau của tình thương. Sở dĩ cha ông chúng ta quan niệm tình thương không phân biệt mà chẳng cần biện minh bằng kinh điển vì tình thương không cần và không chấp nhận mỗ xê. Mỗ xê thì tình thương sẽ không còn vì tình thương luôn thuần nhất, không thể phân chia được. Tình thương là tình thương: “*coi nhau như bát nước đầy là hơn*”, “*tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”, cho nên chỉ cần “*lá lành đùm lá rách*” và “*thương người như thể thương thân*”. Khi đã có tình thương thì dễ chấp nhận dị biệt và ở đâu có chấp nhận dị biệt thì ở đó có thích nghi và tương nhượng:

Một sự nhịn bằng chín sự lành.

hoặc:

Chồng giận thì vợ bớt lời,

Cơm sôi nhỏ lửa, có đời nào khê.

Ở đâu có thích nghi và tương nhượng thì ở đó có hài hòa. Hài hòa là môi trường thích hợp nhất để tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên và trong sáng. Môi trường hài hòa tự nhiên và trong sáng nhất là môi trường gia đình. Cha ông chúng ta đã ý thức được điều này rất sớm trong nếp sống gia đình phân công nên đã thấu hiểu gia đình là môi trường trường dưỡng tình thương một cách hồn nhiên trong sáng và hợp tình hợp lý, chứ không phải môi trường tôn giáo hay xã hội. Sống trong gia đình, con người được trưởng thành trọn vẹn nhất trong tình thương không

phân biệt. Tình thương phát sinh do tiếng gọi của giòng máu và sự sống chung hài hòa giữa cha mẹ, con cái, anh chị em trong gia đình nên nảy nở, phát triển tự nhiên tròn đầy và trong sáng: “*chị ngã em nâng*”, “*máu chảy ruột mềm*”, “*cắt giấy bầu giấy bí, ai cắt giấy chị giấy em*”. Chính tình thương tự nhiên và trong sáng ấy trở lại bồi đắp gia đình thêm vững chắc để từ đó mở rộng tình thương ra môi trường xã hội và dân tộc:

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

và tỏa rộng ra môi trường nhân loại để rồi không còn phân biệt mà chỉ còn liên hệ giữa người với người là liên hệ hài hòa trên nền tảng tình thương không phân biệt: *thương người như thể thương thân*.

Trong nếp sống của người nông dân Việt, tình thương và trí tuệ la định hướng của dân tộc trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm.

4.2 Bình đẳng-tự do-công bằng hợp nhất

Mặt khác, không có gì diễn tả đầy đủ và trọn vẹn sự bình đẳng tốt cùng bằng *hình ảnh trăm con nở cùng một lúc*. Mọi người đều bình đẳng trong tình thương ruột thịt, cùng một nguồn gốc, cùng một thể tính, cùng sinh ra một lúc chứ không phải chỉ bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng về điều kiện, bổn phận và trách nhiệm. Cùng trong một bọc, nở cùng một lúc nên không có bất cứ một sự phân biệt nào cả, từ di truyền đến căn cơ, sức sống, màu da, chủng tộc, địa phương, tuổi tác, kể cả ngôi thứ giữa anh em cũng không có. Chủ trương này khác biệt hẳn với các nền văn hóa khác. Văn hóa Hy Lạp chủ trương giành quyền ăn trên ngồi trốc cho một nhóm người tự cho mình là con cái các vị thần linh. Văn hóa Ấn Độ lại chủ trương con người sinh ra trong những giai cấp di truyền, cố định. Văn hóa Do Thái cho rằng giòng giống của họ được thượng đế đặc tuyển và có đặc quyền tiêu diệt tất cả những giống dân nào cản trở họ. Trong văn hóa Nhật, mỗi giai cấp có kiểu nhà ở và cách ăn mặc riêng. Dùng hình ảnh bọc trăm trứng nở ra trăm con cùng một lúc, tiên nhân Việt đã nhấn mạnh đến chủ trương mọi người sinh ra đều bình đẳng: *Khác nhau tấm áo, manh quần. Thả ra bóc trần, ai cũng như ai*.

Đó là một quan niệm khá độc đáo. Ở đâu có bình đẳng thì ở đó có hài hòa. Hài hòa là tinh thần cao độ của một tập thể người chấp nhận dị biệt và tôn trọng tự do. Không chèn ép, bóc lột nhau mới tạo được bình đẳng. Tự do thực sự chỉ đến với những ai đã no cơm ấm áo và được đãi ngộ bình đẳng về quyền lợi vật chất cũng như tinh thần. Bình đẳng thực sự chỉ có khi mọi người đều được tự do về mặt tinh thần và về mặt phát triển khả năng để nâng cao đời sống và giá trị của con người.

Trên thực tế, không thể có tự do thực sự mà không có bình đẳng và ngược lại. Hai yếu tố tự do và bình đẳng kết hợp hài hòa với nhau như Tiên và Rồng trong thần tổ kép. Chính nhiều sắc tộc khác nhau về văn hóa kết hợp với nhau trong cùng một môi trường sống để hình thành dân tộc Việt trên căn bản bộ tộc chứ không phải là thị tộc như Hán tộc. Ở đâu có bình đẳng, tự do thì ở đây có công bằng. Sở dĩ cha ông chúng ta chủ trương gia đình phân công và xã thôn tự trị, địa phương phân quyền vì ý thức rất sớm về sự cần thiết xây dựng một xã hội chan hòa tính người và tính người (nhân bản) qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, dung hợp được tự do và bình đẳng. Nói ngắn gọn: nếp sống nhân bản và hiện thực.

5. Năm Mươi Con Theo Mẹ Lên Núi - Năm Mươi Con Theo Cha Xuống Biển

Về việc chia tay giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ, mẹ lên núi, cha xuống biển, có người cho rằng điều này chứng tỏ tinh thần chia rẽ đã bắt nguồn và ăn sâu vào tiềm thức của người dân Việt Nam nên làm giảm sức mạnh tổng hợp của dân tộc!

Có người lại cho rằng Lạc Long Quân, cha Rồng (dương) bỏ đi khiến cho 50 người con thành “con không cha như nhà không nóc”. Còn 50 người con mồ côi mẹ thì “Mồ côi cha, ăn cơm với cá. Mồ côi mẹ, liếm lá đầu đường.”

Phải chăng vua Hùng (dương) theo mẹ (âm) ý muốn nói dương phải được âm che chở, bảo bọc thì mới phát triển trọn vẹn, tốt đẹp được. Kêu gọi Lạc Long Quân (dương) trở về là ý nói đến *lý âm cực dương sinh*, không có gì ra đi mà không trở lại. Tiến rồi lui, lên rồi xuống, đến cùng thì quay trở lại, qua rồi lại, qua qua lại lại không ngừng như con thoi dệt vải. Đó là tình trạng thiên nhiên của vạn vật. “*Dù lên núi hay xuống biển nhưng khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau...*” đã diễn tả ý nghĩa đó.

Chúng ta phải ý thức được rằng hình ảnh chia tay: mẹ lên núi, cha xuống biển, là ngôn ngữ ẩn dụ nhắc nhở chúng ta *lẽ biến hóa của âm-dương, Tiên-Rồng* chứ không phải diễn tả sự kiện cụ thể vật chất. Nếu chấp chặt vào nghĩa đen của ngôn từ, chúng ta khó lòng thấu hiểu được ý nghĩa sâu sắc mà tiền nhân muốn trao truyền cho chúng ta.

5.1 Chia phân để tồn tại và phát triển

Đây là hình ảnh chia phân để tồn tại và phát triển, chia phân để rồi hội tụ chứ không phải vĩnh viễn chia ly *cho nên dù lên núi hay xuống biển nhưng khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau*. Từ năm 1975 đến nay, biết bao gia đình Việt Nam phải chia phân để tồn tại: mẹ dẫn con vượt biên, cha ở lại nuôi ông bà hoặc cha cùng các con lớn vượt biên, mẹ ở lại nuôi các con nhỏ...,v.v.... *Hình ảnh cha Lạc Long Quân dẫn 50 con xuống biển và mẹ Âu Cơ đưa 50 con lên núi nói lên nhu cầu mở rộng đất sống, khai phá thêm vùng đất mới trước viễn ảnh gia tăng dân số*. Đây là chính sách mở mang bờ cõi, khẩn hoang lập ấp, khai núi phá rừng của dân Việt Nam. Lịch sử dân tộc đã minh chứng điều này một cách cụ thể: đất nước ta được mở rộng từ châu thổ sông Hồng (năm 939 Dương lịch) đến châu thổ sông Cửu Long và kéo dài đến tận mũi Cà Mau giáp vịnh Thái Lan (năm 1780 DL). Nói theo ngôn từ ngày nay thì cha Lạc Long Quân theo chính sách “duyên hải” để lập nghiệp trên những vùng đất bồi ven biển hoặc những hải đảo để khai thác hải sản. Mẹ Âu Cơ mang một số bộ tộc lên vùng rừng núi theo chính sách “duyên sơn” để khẩn hoang lập ấp. Một trong những người con theo mẹ lên làm vua tại đất Phong Châu, thực hiện chính sách “duyên giang” để phát triển nông nghiệp và chăn nuôi.

Tóm lại, hình ảnh chia phân để tồn tại, chia phân để rồi hội tụ giữa cha Rồng và mẹ Tiên là lời nhắn nhủ vô cùng quan trọng của tổ tiên cho con cháu hiểu rằng *muốn bảo vệ đất nước hữu hiệu thì không thể chỉ tập trung ở vùng đồng bằng mà phải phân bố dân mở mang đất đai khắp các miền đồi núi, ven biển, dọc sông và các hải đảo nữa*. Đó là chính sách toàn dân đồng tâm hiệp lực mở mang bờ cõi, phát triển đất nước và bảo vệ quê hương. Trong khi khai khẩn các vùng đất mới, đương nhiên sẽ gặp nhiều trở ngại lớn lao cùng những đe dọa nên từ đó có các sự tích Lạc Long Quân trừ khử Ngư Tinh (tượng trưng cho trở ngại ngoài biển), Hồ Tinh (mối đe dọa ở đồng bằng) và Mộc Tinh (những nguy hiểm trong rừng sâu).

5.2 Lẽ biến dịch âm-dương, Tiên-Rồng

Giải thích thông thường thì chỉ giản dị như thế nhưng nếu chỉ có thế thì câu chuyện chẳng có mấy ý nghĩa sâu sắc. Như đã trình bày ở phần trên, qua kinh nghiệm sống lâu đời trong nền văn hóa nông nghiệp, *tiền nhân Việt đã thấu hiểu được lẽ biến dịch tự nhiên của vũ trụ vạn vật*. Vì thế, cha ông chúng ta đã đơn giản hóa và cụ thể hóa lý biến dịch ấy qua hình ảnh Tiên-Rồng, bọc trứng và sự chia phân giữa cha Rồng, mẹ Tiên. Âm-Dương (Tiên-Rồng) tuy tính chất tương phản nhưng tìm đến nhau (như nam nữ đến tuổi dậy thì, động vật đến thời kỳ truyền giống, cây cỏ đến thời kỳ đơm hoa kết trái). Hình ảnh cuộc hôn nhân giữa mẹ Tiên và cha Rồng nói lên lý biến dịch tự nhiên này. Vận dụng lý này để kết hợp các sắc dân không cùng một chủng

tộc, chẳng cùng một nền văn hóa nhưng sống trên cùng một địa bàn để hình thành một dân tộc hầu tăng cường sức mạnh về mọi mặt để tự tồn và phát triển: nước Văn Lang gồm 15 bộ tộc, rồi sau đó Tây Âu hợp với Văn Lang thành nước Âu Lạc.

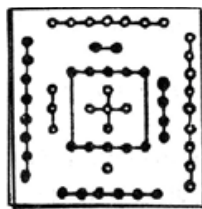
Mặt khác, dùng hình ảnh thần tổ kép Tiên-Rồng để nói lên lý đối lập thống nhất là muốn nhấn nhủ hậu duệ phải lưu tâm đến việc dung hòa những ý kiến đối nghịch trong cuộc sống giữa người với người trong gia đình, ngoài xã hội cũng như trong cộng đồng nhân loại. Khi sống chung là phải chấp nhận dị biệt (Tiên và Rồng, âm và dương) với lòng cởi mở, bao dung để có được cuộc sống hài hòa (thần tổ kép Tiên-Rồng).

Dùng hình ảnh chia phân để nói lên lý vận hành âm dương cùng lý sinh khắc trong vũ trụ vạn vật là một sáng kiến độc đáo. Khi đem ứng dụng những quy luật thiên nhiên vào đời sống, con người cần phải điều chỉnh, không thể áp dụng một cách cứng nhắc vào lãnh vực con người được. Hai yếu tố đối nghịch âm dương kết hợp nhau để rồi chia phân. Tuy nhiên, chia phân để rồi lại kết hợp *qua lời giao ước dù lên núi hay xuống biển nhưng khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau*. Hợp rồi tan, tan rồi hợp, đó là lẽ thường về sự vận động và phát triển trong vũ trụ vạn vật. Tiên nhân Việt đã hiểu rõ lý vận hành này nên đã dùng hình ảnh chia phân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân để cụ thể hóa và đơn giản hóa lý đó.

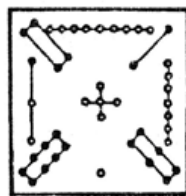
Hình ảnh “cha xuống biển, mẹ lên non” còn mang ý nghĩa nguyên lý vận hành (tụ tán) của âm dương (Tiên Rồng), là hai luật căn bản của vạn vật muôn loài trong vũ trụ. “**Tụ tán**” là mối liên hệ gắn bó để âm dương giao hoà với nhau một cách mật thiết hơn chứ không phải là phân liệt.

Cha Rồng xuống biển, mẹ Tiên lên non còn nói lên sự phân cực để tiến hóa, một cái nhìn mang tính khoa học: “chia nhưng không chia”, chỉ đi về hai phía để làm nổi rõ sự cách biệt thôi. Sự chia tay này còn biểu thị cơ cấu của vạn vật trong trời đất, **đâu đâu cũng phải phân cực như vậy.**” (Nguyễn Minh Triết Ph.D., Đường Ta Đi, tr. 326). Chia tay - phân công, phân nhiệm – giữa cha Rồng và mẹ Tiên là biểu tượng cho cấu trúc của vạn vật muôn loài trong trời đất, đâu đâu cũng phải phân cực, tụ rồi tán, tán rồi tụ để tồn tại và phát triển. Cho nên, trước khi chia tay cha Rồng hẹn với mẹ Tiên “mỗi năm gặp nhau ở cánh đồng Tương”, hoặc khi cần cứ gọi nhau là **ta về ngay**”, và “khi có việc thì cùng nghe, **không được bỏ nhau**”. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, trong tinh thần “*có việc thì đến, hết việc thì đi*”.

Sự chia tay giữa mẹ Tiên và cha Rồng **diễn tả lý vận hành âm dương trong Hà Đồ và Lạc Thư**:



Hà Đồ



Lạc Thư

Chúng ta thấy những chấm trắng ứng với số lẻ (dương) 1, 3, 5, 7, 9 và những chấm đen ứng với những số chẵn (âm) nhưng cách xếp đặt khác nhau. Trong Hà Đồ, ở bên trái số 3 (dương) nằm bên trong, còn số 8 (âm) nằm ở bên ngoài: 2 -7, 4 -9, 1 - 6, 5 -10.

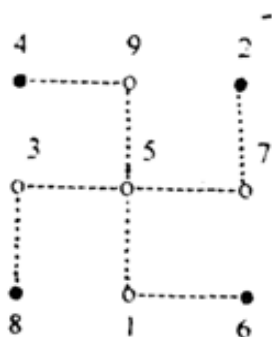
Như vậy, trong Hà Đồ chúng ta thấy sự phối hợp của âm dương, hay nói cách khác, âm dương xoắn lấy nhau mà vận hành như trong cuộc hôn nhân giữa mẹ Tiên và cha Rồng và trong thân tổ kép Tiên-Rồng.

Còn ở Lạc Thư, số chẵn (âm) 2, 4, 6, 8 tách rời số lẻ (dương) 1, 3, 5, 7, 9 để phân ra bốn góc. Số chẵn và số lẻ tách ra, âm dương chia phân như hình ảnh mẹ Tiên lên núi, cha Rồng xuống biển.

Đó là lẽ thường tình của sự vận hành để tồn tại và phát triển của vũ trụ vạn vật. Hợp rồi tan, tan để rồi lại hợp. Khi thì vận dụng lý âm-dương kết hợp (Hà Đồ), khi thì vận dụng lý âm-dương phân ly (Lạc Thư), lúc cương lúc nhu, tùy cơ ứng biến.

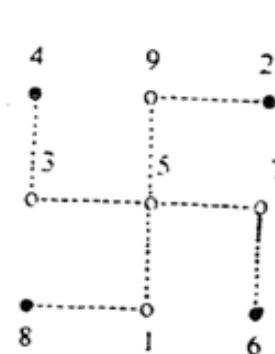
Nhìn vào Lạc Thư, lúc những con số quay theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ thì chúng ta thấy rõ vì sao 50 con theo mẹ và 50 con theo cha. Trong Lạc Thư, các con số cộng theo hàng ngang, hàng dọc hay hàng chéo đều ra số 15:

4	9	2
3	5	7
8	1	6



$$25 + 25 = 50$$

$$50 + 50 = 100$$



$$25 + 25 = 50$$

Khi chúng ta nối các con số theo hình chong chóng theo chiều quay của kim đồng hồ hoặc theo chiều ngược lại, chúng ta sẽ thấy ở hình bên trái:

$$2 + 7 + 5 + 3 + 8 = 25$$

$$4 + 9 + 5 + 1 + 6 = 25$$

$$\text{Do đó: } 25 + 25 = 50$$

Sang hình bên phải, chúng ta thấy:

$$2 + 9 + 5 + 1 + 8 = 25$$

$$4 + 3 + 5 + 7 + 6 = 25$$

$$\text{Như thế ta cũng có: } 25 + 25 = 50$$

$$\text{và: } 50 + 50 = 100$$

Điều này cho thấy 50 con theo mẹ, 50 con theo cha là ngôn ngữ ẩn dụ để nói lên lý vận hành thuận nghịch của các con số trong Lạc Thư.

Âm-dương (Tiên-Rồng) hợp rồi tan, tan rồi hợp, đùn đẩy nhau, luôn luôn vận động không ngừng nghỉ, hết đêm đến ngày, hết ngày đến đêm, xuân-hạ-thu-đông rồi lại đến xuân nhưng không có mùa xuân nào giống mùa xuân nào, cứ thế mà chuyển dịch, không có điểm khởi đầu mà cũng chẳng có điểm chấm dứt.

5.3 Ý nghĩa nước non trong tư tưởng Việt

5.3.1 Nước non, non sông, đất nước với ý nghĩa quốc gia. Theo triết lý Tiên-Rồng, chia phân để thích nghi với mọi thay đổi của hoàn cảnh, với biến chuyển của thời thế, rồi lại kết hợp chứ không phải chia rẽ, phân cách vĩnh viễn. Vì thế, tuy cha Rồng ở dưới nước và mẹ Tiên ở trên núi nhưng “*khi có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.*” Một đấng ở dưới nước, một đấng ở trên non, nhưng được kết hợp thành *nước non* để hình thành địa bàn sống của một dân tộc. Nước non không phải là một khối cứng nhắc mà là một sự kết hợp hài hòa: vừa phân bố để mở rộng địa bàn sinh hoạt trước sự gia tăng dân số và nhu cầu phát triển nông nghiệp, vừa kết hợp để tạo sức mạnh tổng hợp tinh thần lẫn vật chất (thần tổ kép Tiên-Rồng). Dân Việt sớm ý thức rằng quốc gia bao giờ cũng bao gồm hai thành phần không thể tách rời: nước (cha Rồng) và non (mẹ Tiên). Vì thế, dân Việt dùng danh từ “*nước non*” với ý nghĩa quốc gia, đất nước.

Khi tiền nhân Việt dùng non nước (Tiên-Rồng), non sông, đất nước làm biểu tượng cho quốc gia, chúng ta hiểu rằng dân Việt cổ đã từ rừng núi tràn xuống đồng bằng, hoặc từ ven biển đi sâu vào đất liền, tụ tập định cư trên một địa bàn rộng lớn bao gồm cả các miền đồi núi, đồng bằng, ven biển, bình nguyên các con sông lớn. Các bộ tộc anh em thuộc hai vùng - miền núi và miền xuôi - non với sông, Tiên với Rồng, hòa hợp trong xu thế thống nhất đất nước. Một kết hợp giữa các bộ tộc, một hình thức quốc gia với địa phương phân quyền được hình thành: nước Văn Lang.

5.3.2 Ý nghĩa của non nước trong tư tưởng Việt.

Nước có tính tràn lan (tung hoành của Rồng), tượng trưng cho sự di động, mở rộng, phát triển..., v.v.... Hình ảnh cha Rồng diệt trừ trở ngại ngoài biển (diệt Ngư Tinh), khắc phục khó khăn ở đồng bằng (giết Hồ Tinh) và trừ khử những mối đe dọa trên rừng (tiêu diệt Mộc Tinh) nói lên lý khắc phục mọi khó khăn để mở rộng địa bàn sinh hoạt hầu tồn tại và phát triển, đồng thời cũng nói lên ý chí mở mang bờ cõi.

Non tượng trưng cho giá trị tinh thần, tính thẳng hoa của Tiên, trong sáng, cao cả và vững bền, khó dời đổi:

*Non nước là nước non trời,
Ai phân được nước, ai dời được non.*

Mặt khác, non sông Việt không phải chỉ có sông Hồng, sông Cầu, sông Bạch Đằng, sông Hương, sông Đồng Nai, sông Cửu Long...v.v... chảy ra biển Đông bát ngát mà còn có núi Ba Vì, núi Tam Đảo, dãy núi Trường Sơn, núi Sam, núi Sập..., v.v... sừng sững vươn lên trời cao thăm thẳm tượng trưng cho sự hướng thượng của dân tộc, thẳng hoa như biểu tượng Tiên-Rồng. Phải chăng cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã cảm nghiệm được triết lý Tiên-Rồng về non nước của cha ông muốn nhắn nhủ con cháu cần có đủ mưu trí và sáng tạo hầu bảo vệ và phát triển non sông đất nước nên cụ đã lòng tình yêu non nước chan hòa thật sâu sắc của dân tộc Việt vào mỗi tình thù chung đời đời giữa cha Rồng dưới nước và mẹ Tiên trên non cao qua bài *Thề Non Nước*:

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non,
Nhớ lời nguyện ước thề non,*

*Nước đi chưa lại, non còn đứng không,
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn giòng lệ, chờ mong tháng ngày,
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương,
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phôi pha,
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non,
Dù cho sóng cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thể xưa,
Non cao đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn,
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi!
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui,
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non, nước nước, chưa nguôi lời thề.*

Tính nước (cha Rồng ở dưới nước) uyên chuyên, thích nghi, tiếp nhận là bản tính của dân tộc Việt đã đóng một vai trò khá quan trọng trong triết lý sống. Vì sống trong nền văn hóa nông nghiệp lâu đời nên tinh thần hợp tác đồng lao có điều kiện thuận lợi nảy nở và phát triển. Tuy nước là một chất lỏng, có vẻ yếu mềm, uyên chuyên, linh động nhưng không có gì ngăn cản được. Sức mạnh của nước (cha Rồng) nằm trong bản chất tưởng như yếu mềm, uyên chuyên ấy nhưng *nước chảy đá mòn, sắt ngâm trong nước lâu ngày phải rỉ, lửa gặp nước cũng phải tắt*. Nước biểu tượng cho sự nhẫn nhục, bền bỉ, dẻo dai, chờ đợi thời cơ... Trong cách ứng xử, các nhà lãnh đạo Việt Nam thường chủ trương lấy mềm thắng cứng, lấy yếu thắng mạnh, lấy ít thắng nhiều, *mang đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy trí nhân mà thay cường bạo* (Nguyễn Trãi), thích nghi, nhường nhịn để được an vui thái bình. Nếu cần thì uyên chuyên, nhịn nhục bề ngoài nhưng luôn luôn duy trì ý chí bất khuất bên trong để chờ thời cơ quật khởi. Triết lý sống và đạo sống này đã chi đạo chính sách ngoại giao của các nhà lãnh đạo Việt Nam đối với nước láng giềng không lồ phương Bắc có dân số đông gấp trăm lần với những nhà lãnh đạo đầy tham vọng xâm lăng. Dù chiến thắng vẻ vang (thể hiện yếu tố uy dũng của Rồng hay sức mạnh vô địch của nước) trên các trận chiến Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, Chi Lăng, Đống Đa..., nhưng sau những chiến thắng oai hùng đó, các nhà lãnh đạo Việt chủ động cầu hòa, chịu triều cống xưng thần (vận dụng đức tính nhu thuận của Tiên, hay tính uyên chuyên của nước) để không dồn địch vào chân tường hầu mang lại an vui thái bình cho toàn dân và cùng sống với người. Bớt đi một ít báu vật trong kho, mất đi một chút thể diện (?) để tránh họa chiến tranh hầu mang lại an cư lạc nghiệp cho toàn dân thì cũng chẳng thiệt thòi gì: *tránh voi chẳng xấu mặt nào. Đó có phải là mất thể diện hay là thể hiện cái nhẫn của người trí?*

*Nghĩ về kẻ lâu dài của nước nhà,
Thả kẻ hàng mưu vạn sĩ binh,
Sửa hòa hiếu cho hai nước,
Tắt muôn đời chiến tranh,
Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh.*

(Nguyễn Trãi - Phú Chí Linh)

Đây là cách kết thúc chiến tranh hết sức mưu trí và sáng suốt, vừa không dồn địch vào chân tường để giữ thể diện cho kẻ xâm lăng, đồng thời cũng là để nhắc nhở kẻ địch đừng bao giờ có ý đồ xâm lược vì nếu không thì sẽ lại thảm bại như lần vừa rồi, vừa biểu thị ý chí hòa bình sâu sắc và lòng nhân đạo của dân tộc. Chịu triều cống, xưng thần nhưng lúc nào cũng cương quyết chống lại ý đồ xâm lăng của kẻ địch để bảo vệ chủ quyền độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ của đất nước non sông và nhất là bảo vệ đặc tính văn hóa của dân tộc. Nếu không hành động theo sự hiểu biết của người trí như thế thì có lẽ dân tộc Việt Nam đã bị Hán tộc đồng hóa từ lâu rồi.

Tính nhẫn nhục của nước trong nền văn hóa nông nghiệp của dân tộc Việt Nam rất uyển chuyển và linh động chứ không ù lì, trơ trơ bất động, đóng khung cố định như tính nhẫn của đất trong nền văn hóa Ấn Độ. Uyển chuyển, linh động ở chỗ *nước nhận tất cả, chất dơ, sạn đục khơi trong*, khi có dịp nước bốc hơi (biển) để rồi gặp điều kiện thuận lợi thì tụ lại thành mây (hóa). Chữ nhẫn mà cha ông chúng ta muốn nhắc nhở là cái nhẫn của sự hiểu biết của người trí, *nhẫn nhục để thặng hoa chứ không phải chịu đựng cho qua ngày. Nhẫn nhục như Rồng tiềm phục ở vực sâu, chờ thời cơ để quật khởi, tung hoành, biến hóa như nước cứ trôi chảy tiếp nhận tất cả để chờ dịp bốc hơi thành mây*. Lịch sử đã minh chứng đức tính nhẫn nhục, hy sinh, chịu đựng, bền bỉ, dẻo dai của dân tộc Việt Nam qua một ngàn năm Bắc thuộc, một trăm năm Pháp thuộc với biết bao đau thương tủi nhục mà vẫn kiên trì giữ vững ý chí chứ không buông xuôi bỏ cuộc, chờ thời cơ quật khởi giành lại nền độc lập cho dân tộc. Ngày nay, dân tộc Việt Nam vẫn tiếp tục nhẫn nhục, âm thầm đối kháng bền bỉ, dẻo dai chờ cơ hội để vùng dậy cởi bỏ áp bức, nghèo đói, bất công. Hơn nữa, nước luôn luôn chảy xuôi giòng, hồn nhiên tiếp nhận tất cả nhưng chẳng nhận gì làm của riêng cho mình. Nước dễ dàng thích nghi với mọi thay đổi của hoàn cảnh: ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Với triết lý sống đó, dân Việt dễ dàng thích nghi với mọi môi trường sống, thích ứng với những thay đổi lớn lao của hoàn cảnh để giữ gìn bản sắc của dân tộc.

Vì dân tộc Việt Nam được hình thành bởi nhiều sắc dân khác nhau, vì đất nước nằm ở vị trí ngã tư quốc tế, nơi giao lưu nhiều nền văn hóa, với tinh thần khai phóng, hiếu hòa nên dân tộc Việt Nam dễ dàng tiếp nhận tất cả; nhưng không chấp chận vào bất cứ một hệ thống tư tưởng nào hoặc một tín ngưỡng, tôn giáo nào. Người Việt sẵn sàng tiếp nhận mọi tư tưởng ngoại nhập (nước không có mùi vị, màu sắc nên dễ tiếp nhận tất cả). Tuy nhiên, tư tưởng ngoại nhập nào muốn được chấp nhận cũng phải được Việt hóa để thích nghi với tâm hồn người Việt Nam. Muốn nước ngọt thì đường phải tan trong nước, muối phải tan trong nước thì nước mới có vị mặn. Chẳng hạn, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát được sùng bái khắp nơi, từ Tây Tạng đến Nhật Bản, sang Trung Quốc, xuống đến Nam Dương nhưng khi đến Việt Nam thì phải trở thành Quan Âm Thị Kính với cuộc sống bình thường, giản dị tiêu biểu của một người dân Việt Nam chứ không phải là Quan Âm Diệu Thiện Công Chúa cao sang, xa cách. Phải nói: *căn bản đạo sống Việt chính là tính cách phổ biến, giản dị, đầy tính người và tình người* (nhân bản và hiện thực). *Có thể nói khả năng dung hóa là một khả năng kỳ diệu, siêu việt của dân tộc Việt Nam*. Tất cả những nền văn hóa hay đạo học, bất kể xuất xứ từ Trung Hoa, Ấn Độ hoặc Tây Phương hay Bắc Mỹ, một khi giao lưu với văn hóa Việt Nam thì những tinh hoa của chúng trở thành phù sa sông Hồng, sông Hương, sông Cửu để đất Việt Nam thêm phì nhiêu, cây lá xanh tươi, bông trái xum xuê, tức là trở thành chất liệu làm phong phú nền văn hóa dân tộc.

Mặt khác, nước suối, nước khe, nước lạch, nước sông trên giòng chảy đã tiếp nhận, đãi lọc tất cả dơ bẩn trên đường đi để tuôn chảy ra biển khơi, không có gì ngăn cản nổi để rồi bốc hơi, tụ lại thành mây, mây bay trở về đồi núi, đồng bằng rồi mưa xuống thành nước tinh khiết ở ngọn suối nguồn sông, tiếp tục đổ xuống đồng bằng, thấm vào lòng đất để nuôi dưỡng sự sống.

Kết Luận

Nhờ sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, với cái nhìn thảo mộc (thích nghi, hiếu hòa) của người nông dân, thường xuyên quan sát môi trường sống để phát triển nông nghiệp và thăng hoa đời sống, cha ông chúng ta đã sớm thấu hiểu được *lý âm dương kết hợp và vận hành* trong vũ trụ vạn vật muôn loài cùng những hệ luận của lý âm dương biến dịch, xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” và cùng tiến. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nang dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*, với định hướng của nền tâm học dân tộc: **Biển – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng**, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống dân tộc, giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện, không kêu cầu đến tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức hệ,... Phá bỏ mọi rào cản ngăn cách lòng người.

Như vậy, con đường sống của dân tộc là “nhân đạo”; lấy con người toàn diện, không duy gì cả, làm tâm điểm cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc.

Trái đất đang thu nhỏ như ngôi làng; các dân tộc giống như những người láng giềng trong ngôi làng thế giới. Như vậy, cần phải phát huy nếp sống tương nhượng hài hòa, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, và cùng tiến. Để **tồn tại**, các dân tộc cùng nắm tay giải quyết môi trường sống đang bị ô nhiễm trầm trọng (mặc dù hiện nay còn nhiều trở ngại) và sự thay đổi thời tiết bất thường đang đe dọa hủy diệt loài người **vì thiên tai** (bão lụt, hạn hán, động đất, sóng thần...). Để sống còn, con người, loài người, các dân tộc đang trở về bảo vệ nguồn sống của con người (thiên nhiên môi trường sống). Hủy diệt thiên nhiên là tự hủy diệt chính mình. Dần dần loài người sẽ **thật sự thấu hiểu** cái lý lẽ đương nhiên đó.

Thực chất của sự bảo vệ tự do dân chủ, tự do truyền giáo và bảo vệ nhân quyền v.v... là bảo vệ con người, con người đích thực. Rồi thực tế sẽ đưa đẩy con người tự ý thức được **chính con người và sự sống mới cần bảo vệ** chứ không phải là niềm tin, tín ngưỡng, chủ nghĩa hay ý thức hệ v.v... Bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống là bảo vệ con người. Trở về với con người đích thực là trở về với thiên nhiên, sống thuận lý theo thiên nhiên, *trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*: Trông môi trường sống mà phân công hợp tình hợp lý để làm kinh tế, làm chính trị, làm luật pháp, làm văn hóa... Toàn cầu hóa không đồng nghĩa với đồng nhất, đúc một cái khuôn mẫu cho loài người mà là phân công, phân nhiệm hợp tình hợp lý theo môi trường sống và theo bản sắc đặc thù của mỗi dân tộc.

Người Việt Nam ngày nay có mặt khắp năm châu và hội nhập dễ dàng vào các nền văn hoá nơi họ cư ngụ. Điều đó hùng hồn chứng minh người Việt Nam được nuôi dưỡng trong nền giáo dục nhân bản tâm linh, với cảm nang dịch lý “*học ăn, học nói, học gói, học mở*”, có thể đáp ứng được nhu cầu tâm thức của con người trong thời đại toàn cầu hóa, trước nhu cầu tiến hóa của nền tin học. Như vậy, cộng đồng người Việt ở hải ngoại là một thành phần dân tộc, một thực thể chính trị, nếu không muốn nói là một nước Việt Nam hải ngoại không biên giới, học hỏi tinh hoa của nhân loại để phong phú hóa dòng tâm thức, và đồng thời đem những tinh hoa của dân tộc cấy trồng vào những nền văn hoá của các cộng đồng dân tộc bạn. Đó là phần đóng góp của người Việt vào cộng đồng nhân loại trong việc tạo dựng nền thái hòa thích ứng cho cuộc sống toàn cầu hóa hiện nay để xây dựng nền văn minh nhân bản, chan hòa tính người và tình người.

Việc khẩn thiết hiện nay là mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người; mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào lòng*) tự biết mình (*ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình*) qua quá

trình sống tỉnh thức với định hướng của nếp sống Việt (đạo sống Việt) được biểu tượng qua hình ảnh thần tổ kép Tiên – Rồng.

Đó là con đường phá bỏ mọi rào cản ngăn cách lòng người, phá bỏ mọi ốc đảo trong lòng dân tộc, thật sự trở về với dân tộc (trở về với con người đích thực và sự sống), phát huy tinh thần dân chủ đích thực của Hội Nghị Diên Hồng (chứ không phải dân chủ hình thức), phục hoạt **nội lực tổng hợp của dân tộc**, dung hóa các hệ tư tưởng Đông – Tây – Kim – Cổ đang hội tụ trên quê hương để hóa giải bế tắc tư tưởng, khủng hoảng tâm thức và những mâu thuẫn khốc liệt của thời đại về chính trị, kinh tế, ý thức hệ, tôn giáo, v.v... ngõ hầu thể hiện con đường sống của dân tộc: lấy con người toàn diện (không duy gì cả) làm trung tâm cho mọi hoạt động vật chất và tinh thần, với đạo lý “*thương người như thể thương thân*”....

Lời nói và chữ nghĩa chỉ mô tả sự thực, chứ không phải là sự thực. Cho nên ông cha thường nhắc nhở: “*trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua*”.

Hoài Văn Tử & Vĩnh Như

www.tusachvietthuong.org